

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\ Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_TINCHI7 01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi **21/06/2018**

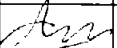
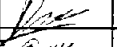
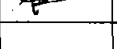
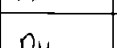
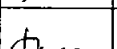
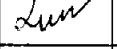
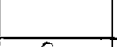
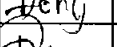
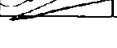
Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi **HD303**

Giảng viên:Trương Quang Trường

Lớp **DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 ± %	D2 ± %	D3 ± %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15137001	Nguyễn Huỳnh An	DH15NL				2.7	2.3	5.0	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	15153002	Dương Ngọc Bảo	DH15CD				2.7	0.4	3.1	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC				2.5	0.7	3.2	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
4	14153067	Nguyễn Khắc Bông	DH14CD				2.9	5.6	8.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
5	15137005	Nguyễn Đức Bửu	DH15NL				2.3	4.2	6.5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
6	16153008	Nguyễn Thanh Danh	DH16CD				3	3.7	6.7	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
7	15118012	Trần Thanh Danh	DH15CK				2.5	4.6	7.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
8	15137007	Nguyễn Thái Du	DH15NL				2.4	1.8	4.2	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
9	15154073	Dương Võ Duy	DH15OT		1		2.9	4.2	8.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
10	16153016	Đặng Quốc Duy	DH16CD				2.7	2.3	5.0	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	15137010	Từ Khắc Duy	DH15NL				2.4	2.3	4.7	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
12	13115184	Nguyễn Hoàng Vi	DH13GN				/	/	/	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14118135	Nguyễn Phát Đạt	DH14CC				3	3.5	6.5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
14	15118019	Nguyễn Tấn Đồng	DH15CK				1.4	0.7	2.1	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14154015	Huỳnh Thiện Đức	DH14OT				2.5	4	6.5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02261

Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_TINCHI7_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 21/06/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD303

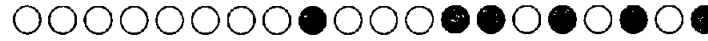
Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp

DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15137017	Phạm Phước Hậu	DH15NL				3	5	8.0	001234567●910	●123456789
17	16115052	Huỳnh Minh Hiếu	DH16CB				2.4	5	7.4	00123456●8910	0123●56789
18	14118162	Bùi Xuân Hoàng	DH14CK			0.5	2.8	6.7	10.0	00123456789●	●123456789
19	14118170	Bùi Quang Huy	DH14CK				2	4.6	6.6	0012345●78910	012345●789
20	15137025	Bùi Quốc Huy	DH15NL				2.3	3.2	5.5	001234●678910	01234●6789
21	16154044	Chu Phúc Huy	DH16OT				1	3	4.0	00123●5678910	●123456789
22	17454001	Dặng Văn Huy	LT17OT				2.5	3	5.5	001234●678910	01234●6789
23	12115291	Văn Ngọc Mỹ Huyền	DH12GN				2.9	1.1	4.0	00123●5678910	●123456789
24	16153039	Đặng Huỳnh	DH16CD				2.9	1.2	4.1	00123●5678910	0●23456789
25	17115050	Trần Thị Như	DH17CB				2.9	1.1	4.0	00123●5678910	●123456789
26	13153122	Mai Đức Hữu	DH13CD				1.4	—	—	●012345678910	0123456789
27	13137080	Lê Thành Khôi	DH13NL				2.6	1.4	4.0	00123●5678910	●123456789
28	17115057	Trần Phan Thanh Lan	DH17CB				2.6	2.1	4.7	00123●5678910	0123456●89
29	17115064	Nguyễn Thị Thu Loan	DH17CB				2.6	2.6	5.2	001234●678910	01●3456789
30	15118052	Trào An Lộc	DH15CC				2.4	1.8	4.2	00123●5678910	01●3456789



Mã nhận dạng 02261



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học: Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_TINCHI7_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 21/06/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH16CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	16153052	Nguyễn Thanh	Luận	DH16CD	<i>Luận</i>		2.3	2.1	4.4	0012345678910	0123456789
32	14115339	Võ Thị Sao	Mai	DH14GN	<i>Mai</i>		2.2	3.5	5.7	0012345678910	0123456789
33	17454002	Lê Quý	Mến	LT17OT	<i>Lê Quý</i>		2.6	1.4	4.0	0012345678910	0123456789
34	15137035	Bùi Công	Minh	DH15NL	<i>Bùi Công</i>		3	5.6	8.6	0012345678910	0123456789
35	16153056	Đặng Toàn	Mỹ	DH16CD	<i>Đặng Toàn</i>		2.2	2.8	5.0	0012345678910	0123456789
36	14115343	Nguyễn Thanh	Nam	DH14GN			/	/	/	0012345678910	0123456789
37	17454003	Trần Hữu	Nghĩa	LT17OT	<i>Trần Hữu</i>		1.2	1	2.2	0012345678910	0123456789
38	16118104	Đào Xuân	Nguyên	DH16CK	<i>Đào Xuân</i>		2.9	1.8	4.7	0012345678910	0123456789
39	13118221	Võ Văn	Nguyên	DH13CK	<i>Võ Văn</i>		1.4	0.4	1.8	0012345678910	0123456789
40	15115115	Đỗ Đình	Nhất	DH15CB	<i>Đỗ Đình</i>		1.8	2.3	4.1	0012345678910	0123456789
41	14153041	Vũ Minh	Nhật	DH14CD			2.8	/	/	0012345678910	0123456789
42	17115076	Huỳnh Thị Kiều	Nhi	DH17CB	<i>Huỳnh Thị Kiều</i>		2.4	4.7	7.1	0012345678910	0123456789
43	15115119	Nguyễn Văn	Nhon	DH15GB	<i>Nguyễn Văn</i>		2.8	3	5.8	0012345678910	0123456789
44	13137103	Nguyễn Tăng	Phát	DH13NL	<i>Nguyễn Tăng</i>		2	2.8	4.8	0012345678910	0123456789
45	14115352	Nguyễn Tấn	Phát	DH14GB	<i>Nguyễn Tấn</i>		2.5	2.5	5.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02261



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 001_TINCHI7_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 21/06/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH14GB (Công nghệ giấy và bột giấy)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi: 41 Số sinh viên vắng: 4

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

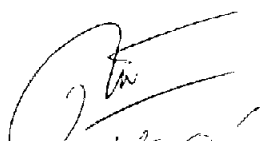
Cán bộ coi thi 2

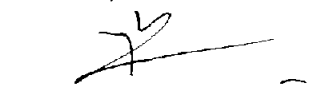
Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Trương Quang Trường


Lê Khỏe Quý


Trương Quang Trường



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/ Nhóm: Nguyên lý máy (207111) - 002_TINCHI7_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 21/06/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp LT17OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô (Liên thông))

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Đ.Số 70 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17454004	Trần Hoàng Phi	LT17OT	V			✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	16118115	Ngô Thanh Phong	DH16CK	<i>[Signature]</i>			2.9	2.1	5.0	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	15115124	Nguyễn Minh Phụng	DH15GB	<i>[Signature]</i>			2.5	2.5	5.0	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14118057	Tạ Minh Quân	DH14CK	V			✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	17454005	Hồ Vũ Quát	LT17OT	<i>[Signature]</i>			2.9	2.8	5.7	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
6	16114282	Trần Khương Quý	DH16GN	<i>[Signature]</i>			2	1.4	3.4	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
7	16118130	Bùi Thanh Sang	DH16CK	<i>[Signature]</i>			2.2	3.5	5.7	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
8	17454006	Huỳnh Lê Sang	LT17OT	<i>[Signature]</i>			2.5	3.5	6.0	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14118237	Trần Quốc Sang	DH14CC	<i>[Signature]</i>			2.6	1.4	4.0	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	15118087	Nguyễn Thanh Sơn	DH15CC	<i>[Signature]</i>			2.4	5.3	7.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
11	13118047	Phạm Minh Tài	DH13CK	<i>[Signature]</i>			0.6	0.4	1.0	○ 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13153022	Nguyễn Hữu Tân	DH15CD	V			✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	15118095	Dương Tấn Thành	DH15CK	<i>[Signature]</i>			2.5	2.5	5.0	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	15137052	Lê Văn Thành	DH15NL	<i>[Signature]</i>			2.3	3.2	5.5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
15	15137053	Bùi Văn Thi	DH15NL	<i>[Signature]</i>			3	2.8	5.8	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9



Mã nhận dạng 02262



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 002_TINCHI7_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 21/06/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15137054	Chu Đức Thiện	DH15NL				2.9	4.6	7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14118263	Nguyễn Tấn Thiện	DH14CC				1.7	0.4	2.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14115376	Thái Kế Thiện	DH14GN				0.6	0	0.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13153219	Tôn Thất Thiện	DH13CD	V			0.5	—	—	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	15137056	Huỳnh Phúc Thịnh	DH15NL				2.9	1.8	4.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14154057	Ôn Hoa Thu	DH14OT				2.7	2.8	5.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14115250	Châu Ngọc Thương	DH14GN				2.3	3.2	5.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	16137081	Võ Ngọc Thương	DH16NL				2.6	5.6	8.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	16118154	Lê Xuân Tiến	DH16CK				2.4	4.4	6.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	17454007	Trần Huỳnh Tiến	LT17OT				2.9	5.6	8.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	15118106	Trần Trung Tín	DH15CK				2.6	2.8	5.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	16153093	Nguyễn Lê Tinh	DH16CD				2.8	4.9	7.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	14115136	Trần Văn Toàn	DH14GB	V			—	—	—	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13154062	Huỳnh Quang Trọng	DH13OT				2	2.6	4.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	17454008	Đặng Quốc Tri	LT17OT				2.6	1.6	4.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02262



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 002_TINCHI7_01

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi 21/06/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Đ. Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	15137061	Hùng Phạm Minh Trí	DH15NL				2.9	2.3	5.2	0012345678910	0123456789
32	14115143	Nguyễn Minh Trí	DH14CB				2.7	1.8	4.5	0012345678910	0123456789
33	15114177	Trần Minh Trí	DH15CB				2.8	0.7	3.5	0012345678910	0123456789
34	15137063	Nguyễn Phước Trịnh	DH15NL				0.5	✓	✓	0012345678910	0123456789
35	17454009	Trần Quý Trọng	LT17OT				2.9	3.2	6.1	0012345678910	0123456789
36	14118293	Lê Văn Trùng	DH14CK				3	2.1	5.1	0012345678910	0123456789
37	15153072	Vô Văn Truyền	DH15CD			0.2	3	6.8	10.0	0012345678910	0123456789
38	13137154	Nguyễn Văn Trường	DH13NL				✓	1.4	1.4	0012345678910	0123456789
39	15118124	Bùi Anh Tuấn	DH15CK			1	2.8	3.7	7.5	0012345678910	0123456789
40	15115197	Hồ Thanh Văn	DH15CB				1.4	0.4	1.8	0012345678910	0123456789
41	13138341	Trần Anh Văn	DH13TD				2.2	1.8	4.0	0012345678910	0123456789
42	17454010	Đặng Đình Vy	LT17OT				2.9	0.4	3.3	0012345678910	0123456789
43	16114329	Nguyễn Thu Yên	DH16GN				2	4	6.0	0012345678910	0123456789
44	15115205	Nguyễn Bảo Yên	DH15GB				2.8	2.5	5.3	0012345678910	0123456789
45	17115141	Trần Thị Hải Yên	DH17CB				2.8	4.4	7.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02262



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy (207111) - 002_TINCHI7_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 21/06/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH17CB (Chế biến lâm sản)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	------	----------------	----------------	------------

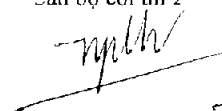
Số sinh viên dự thi: 39. Số sinh viên vắng: 06.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

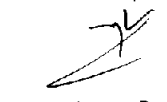

N.V. Kiệp

Cán bộ coi thi 2


Ngô Thị Phương Thảo

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1


Trương Quang Trường

Cán Bộ Chấm Thi 2



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm **Sức bền vật liệu (207113) - 001_TINCHI7_01**

Số Tin Ch 3

Ngày Thi **06/07/2018**

Giờ Thi: **09:30**

Phòng Thi **CT202**

Giảng viên: **Trương Quang Trường**

Lớp **DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	D.Số ± %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15137005	Nguyễn Đức Bửu	DH15NL				1.9	2.1	4.0	0012345678910	0123456789
2	13115160	Trần Thanh Cẩm	DH13GN				Cán thi			0012345678910	0123456789
3	14153068	Nguyễn Hoàng Anh Chiến	DH14CD				3	5.3	8.3	0012345678910	0123456789
4	13138030	Trần Huy Chương	DH13TD				1.2	2.8	4.0	0012345678910	0123456789
5	13118089	Bùi Thanh Cường	DH13CC				Cán thi			0012345678910	0123456789
6	16154011	Huỳnh Hữu Cường	DH16OT			0.3	3	6.7	10.0	0012345678910	0123456789
7	13118092	Phạm Hùng Cường	DH13CC				1			0012345678910	0123456789
8	13137029	Lê A Dàng	DH13NL				2.2	6.3	8.5	0012345678910	0123456789
9	15115019	Lê Chánh Đạt	DH15CB				2.2	6.3	8.5	0012345678910	0123456789
10	15154012	Vũ Công Đạt	DH15GB				2.4	0	2.4	0012345678910	0123456789
11	16137014	Đào Đôn Điền	DH16NL				1	0.7	1.7	0012345678910	0123456789
12	14115178	Ngô Ngọc Đức	DH14GN				1.8	2.8	4.3	0012345678910	0123456789
13	14115022	Phan Hiếu Đức	DH14CB				3	1	4.0	0012345678910	0123456789
14	16115036	Huỳnh Ngọc Hải	DH16GN				2.1	3.5	5.6	0012345678910	0123456789
15	13137052	Huỳnh Tấn Hạnh	DH13NL					4	1.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02263

Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 001_TINCHI7_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 06/07/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi CT202

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH14GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14115181	Nguyễn Minh Hào	DH14GN				2.8	42	7.0	001234568910	123456789
17	16115044	Nguyễn Thị Kim Hào	DH16GN			0.3	3	6.8	10.0	0012345678910	123456789
18	14115032	Nguyễn Minh Hiền	DH14GN				1	0.8	1.8	0012345678910	012345689
19	14115033	Bùi Minh Hiền	DH14GN				1	0.8	1.8	0012345678910	012345689
20	14153015	Đặng Đình Hiệp	DH14CD				2.5	3.5	6.0	001234578910	123456789
21	16115052	Huỳnh Minh Hiếu	DH16CB				2.8	2.1	4.8	001235678910	012345679
22	15115053	Phạm Thị Lệ Hoa	DH15CB				2.6	1.4	4.0	001235678910	123456789
23	16115058	Nguyễn Thị Thu Hoài	DH16GN				2.2	2.8	5.0	001234678910	123456789
24	13115214	Ilô Xuân Hoàng	DH13CB			0	2.6	1.4	4.0	001235678910	123456789
25	14118029	Đào Văn Huy	DH14CC				1.2			0012345678910	0123456789
26	13154025	Nguyễn Đoàn Khang	DH13OT				2.5	3.5	6.0	001234578910	123456789
27	15154026	Thái Văn Khánh	DH15OT			1	1.2	4.9	7.1	001234568910	023456789
28	13137080	Lê Thành Khôi	DH13NL				1	4.2	5.2	001234678910	013456789
29	15118055	Lê Thanh Long	DH15CK			1	3	5	9.0	001234567810	123456789
30	15118060	Phạm Văn Mai	DH15CK				3	4	7.0	001234568910	123456789



Mã nhận dạng 02263

Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 001_TINCHI7_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 06/07/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi CT202

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH16CB (Chế biến lâm sản)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	16115101	Nguyễn Hữu Mạnh	DH16CB	M		1	3	4	8.0	001234567●910	●123456789
32	14115342	Bùi Thế Mỹ	DH14CB	Mỹ			2.7	1.4	4.1	00123●5678910	0●23456789
33	13153152	Dặng Hoàng Nam	DH13CD					/	/	●012345678910	0123456789
34	14115343	Nguyễn Thanh Nam	DH14GN					/	/	●012345678910	0123456789
35	14115077	Nguyễn Văn Nam	DH14GN	Nam			1	0	1.0	00●2345678910	●123456789
36	15115099	Nguyễn Kiều Kim Ngân	DH15GB	Kim Ngân			2.4	2.1	4.5	00123●5678910	01234●6789
37	16115111	Nguyễn Thị Kim Ngân	DH16GN	Kim Ngân			3	3.5	6.5	0012345●78910	01234●6789
38	16115112	Nguyễn Hữu Nghĩa	DH16CB	Nghĩa			2.8	3.2	6.0	0012345●78910	●123456789
39	16115121	Phạm Thanh Nhị	DH16GB	Nhị			3	5.6	8.6	001234567●910	012345●789
40	16115124	Trần Đạo Như	DH16CB	Như			3	6	9.0	0012345678●910	●123456789
41	16115130	Nguyễn Thị Kiều Oanh	DH16GN	Oanh		1	2.1	6.3	9.4	0012345678●910	0123●56789
42	14115352	Nguyễn Tấn Phát	DH14GB	Phát			1.2	0.7	1.9	00●2345678910	012345678●
43	14118216	Nguyễn Nhật Phi	DH14CK	Phi		1	2.0	6.0	9.0	0012345678●910	●123456789
44	14118048	Bùi Hoàng Phong	DH14CC	Phong			1.5	2.5	4.0	00123●5678910	●123456789
45	13137105	Nguyễn Thanh Phong	DH13NL	Phong			2.5	2.5	5.0	001234●678910	●123456789



Mã nhận dạng 02263



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 001_TINCHI7_01

Số Tín Ch: 3

Ngày Thi 06/07/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi CT202

Giảng viên: Trương Quang Trường

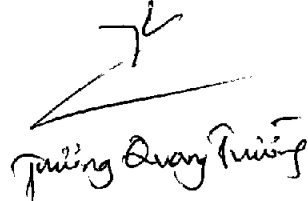
Lớp DH13NL (Công nghệ kĩ thuật nhiệt)

Trang 4

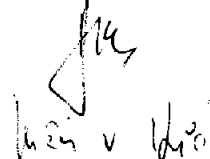
STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi: 40 Số sinh viên vắng: 5 Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1


Trương Quang Trường

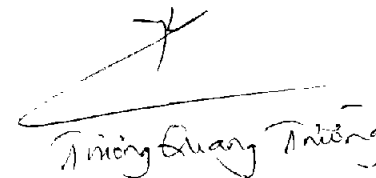
Cán bộ coi thi 2


Trần Văn Hoàng

Xác nhận của Bộ Môn


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1


Trương Quang Trường

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm **Sức bền vật liệu (207113) - 002_TINCHI7_01**

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 06/07/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi CT102

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp **DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15137041	Trần Duy Phong	DH15NL				3	3.5	6.5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
2	13115326	Diệp Quang Phú	DH13GB				1.2	6.3	7.5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
3	13137109	Bùi Văn Phúc	DH13NL				3	5.3	8.3	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13138157	Nguyễn Hồng Phúc	DH13TD				1	4.2	5.2	○○○①②③④⑤●⑥⑦⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13137111	Nguyễn Quốc Phúc	DH13NL			1	1.5	2.5	5.0	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13154045	Tăng Hồng Phúc	DH13OT				3	6.7	9.7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
7	13153181	Nguyễn Hoàng Phương	DH13CD				1.5	5.3	6.8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
8	13154161	Thượng Minh Quang	DH13OT				3	6.3	9.3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13153186	Trần Minh Quang	DH13CD				—	—	—	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	15154042	Nguyễn Thanh Sang	DH15OT				3	1.4	4.4	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
11	16118131	Trần Bảo Sang	DH16NL				1	2.5	3.5	○○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
12	14118061	Lê Tiến Tài	DH14CC				2.2	2.8	5.0	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	16115149	Nguyễn Anh Tài	DH16CB				2.4	2.8	5.2	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13153206	Nguyễn Hà Tân	DH13CD				1.5	5.3	6.8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
15	15153060	Nguyễn Hữu Thạch	DH15CD			Cấm'	thi	—	—	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 02264



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 002_TINCHI7_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 06/07/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi CT102

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH15GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15114150	Lê Quỳnh Thao	DH15GN				1.5	11	2,6	0010345678910	0123456789
17	13115377	Nguyễn Ngọc Thảo	DH13CB				1	—	—	0012345678910	0123456789
18	13153023	Tăng Thành Thảo	DH13CD				1	—	—	0012345678910	0123456789
19	13137131	Lê Hoàng Thắng	DH13NL						—	0012345678910	0123456789
20	13153219	Tôn Thất Thiện	DH13CD						—	0012345678910	0123456789
21	14115451	Ngô Xuân Thịnh	DH14CB				3	0.8	3.7	0012345678910	0123456789
22	13138211	Tổng Trần Thông	DH13TD						—	0012345678910	0123456789
23	13115116	Nguyễn Hoàng Thương	DH13GB				3	1.1	4.1	0012345678910	0123456789
24	15115164	Trần Tấn Tiên	DH15CB				2.1	0.7	2.8	0012345678910	0123456789
25	15153067	Trương Văn Tịnh	DH15CD				1.2	0	1.2	0012345678910	0123456789
26	16115178	Tạ Thị Ngọc Trà	DH16GB				3	7	10,0	0012345678910	0123456789
27	16115180	Dương Thị Thùy Trang	DH16GN			0,9	2.1	7	10,0	0012345678910	0123456789
28	13154062	Huỳnh Quang Trọng	DH13OT				3	2.5	5.5	0012345678910	0123456789
29	16115186	Nguyễn Thị Việt Trinh	DH16GN				1.5	6,3	7.8	0012345678910	0123456789
30	14137085	Đinh Thành Trọng	DH14NL				—	4	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02264



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 002_TINCHI7_01

Số Tin Ch: 3

Ngày Thi 06/07/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi CT102

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	15153070	Lê Bá Trọng	DH15CD				1,2	/	/	0012345678910	0123456789
32	15115184	Nguyễn Long Minh	DH15CB			1	1,5	3,2	5,7	0012345678910	0123456789
33	13153245	Nguyễn Tiến	DH13CD				1,2	2,8	4,0	0012345678910	0123456789
34	13137154	Nguyễn Văn	DH13NL				/	2,8	2,8	0012345678910	0123456789
35	16115194	Phan Nhật	DH16CB			1	3	4,2	8,2	0012345678910	0123456789
36	13153255	Lê Ngọc Triệu	DH13CD				1	5,6	6,6	0012345678910	0123456789
37	15154067	Nguyễn Văn	DH15OT				1,3	6,7	8,0	0012345678910	0123456789
38	14115148	Võ Thành	DH14GB				3	7	10,0	0012345678910	0123456789
39	13138021	Trần Thanh	DH13TD				1	4	5,0	0012345678910	0123456789
40	16115211	Nguyễn Thị Thúy	DH16CB				3	4,6	7,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 34 Số sinh viên vắng: 6

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

N.V. Kiệp

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Hữu Hòa

Xác nhận của Bộ Môn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1

Trương Quang Trường

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 02265

Trang 1/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 001_TINCHI7_02

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 06/07/2018

Giờ Thi: 09:30

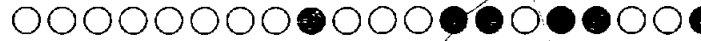
Phòng Thi CT201

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH14GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ±%	Đ2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14115426	Lê Tấn Anh	DH14GN		✓		1.8	✓	✓	●0012345678910	00123456789
2	15115005	Nguyễn Hoàng Anh	DH15GN				3	2.8	5.8	0012345678910	001234567●9
3	14137009	IIô Thế Bảo	DH14NL				1.8	6.0	7.8	0012345678910	001234567●9
4	16115008	Lê Văn Nhật Bảo	DH16CB				1.8	2.8	4.6	0012345678910	0012345●789
5	16118015	Nguyễn Quốc Bảo	DH16CK				3	7	10,0	00123456789●	●0123456789
6	16115010	Nguyễn Thị Cẩm Bình	DH16GB				3	7	10,0	00123456789●	●0123456789
7	16115011	Nguyễn Thị Tâm Bình	DH16GB			0.3	3	6.7	10,0	00123456789●	●0123456789
8	16114203	Bùi Minh Cảnh	DH16GN				2.1	5.6	7.7	0012345678910	001234567●89
9	14118008	Nguyễn Đăng Châu	DH14CK				2.7	0.7	3.4	0012345678910	00123●56789
10	14118117	Lê Tiến Công	DH14CK				2.7	4.9	7.6	0012345678910	0012345●789
11	13115011	Lê Thị Danh	DH13CB				1.5	4.6	6.1	0012345678910	0●023456789
12	16115255	Nguyễn Thị Dịu	DH16GN				1.5	6.0	7.5	0012345678910	0012345●6789
13	15118023	Nguyễn Minh Dương	DH15CC				1.2	5.6	6.8	0012345678910	001234567●9
14	16115023	Huỳnh Tấn Đạt	DH16GN				3	5	8,0	0012345678910	●0123456789
15	14118137	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC		✓		1.5	✓	✓	●0012345678910	00123456789



Mã nhận dạng 02265



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm **Sức bền vật liệu (207113) - 001_TINCHI7_02**

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 06/07/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi CT201

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp **DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13153004	Trương Nguyễn Tiến Đạt	DH13CD				2.7	2.5	5.2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	14154015	Huỳnh Thiện Đức	DH14OT				2.4	6	8.4	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
18	16115033	Lê Thùy Được	DH16GN				3	7	10.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	15115035	Nguyễn Thị Hà	DH15CB				2.4	2.8	5.2	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	14115025	Phạm Thanh Hà	DH14GN				1.2	2.1	3.3	○①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
21	14154017	Lê Minh Hải	DH14OT				2.1	4.2	6.3	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
22	16115041	Nguyễn Ngọc Hạnh	DH16GN				3	7	10.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨●	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	14115027	Võ Thị Mỹ Hào	DH14GB				1.2	2.8	4.0	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	16115251	Lê Thị Thúy Hằng	DH16CB				3	3.5	6.5	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
25	15137017	Phạm Phước Hậu	DH15NL		1	1.8	6.3	9.1	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨	
26	13138079	Nguyễn Trần Minh Hoàng	DH13TD				1.2	2.8	4.0	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	14118168	Nguyễn Thái Học	DH14CK				1	1.4	2.4	○①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
28	16115063	Hồ Bích Huệ	DH16GN				3	5.6	8.6	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
29	13115044	Lương Ngọc Huy	DH13GN				1.6	4.9	6.5	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
30	14114049	Nguyễn Nhật Kha	DH14CB				2.4	4.9	7.3	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 02265



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 001_TINCHI7_02

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 06/07/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi CT201

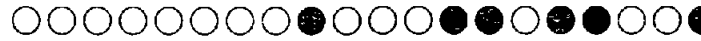
Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp

DH16GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	16115077	Lê Văn Khoa	DH16GN	Khoa			1.5	4.6	6.1	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	16115078	Nguyễn Thị Đăng Khoa	DH16GN	Đăng Khoa			1.5	2.8	4.3	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨
33	14115424	Trần Văn Kiệt	DH14CB	Kiệt			2.1	4.6	6.7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
34	14154030	Đỗ Đức Linh	DH14OT	Đỗ		1	3	4	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	16137047	Huỳnh Ngọc Linh	DH16NL	Ngọc		1	3	5	9.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	15115082	Trần Thị Mỹ Linh	DH15CB	Mỹ			2.4	2.1	4.5	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
37	13138260	Hoàng Đức Lương	DH13TD	Đức			2.8	4.2	7.0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	16115097	Thân Huỳnh Lưu	DH16GN	Huỳnh			3	6	9.0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	13138117	Nguyễn Quốc Mạnh	DH13TD	Quốc			2.6	1.4	4.0	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	15115093	Nguyễn Ngọc Thanh Minh	DH15CB	Minh			1.5	0	1.5	○○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
41	13138010	Nguyễn Ngọc Nam	DH13TD	Nam			1	0	1.0	○○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
42	14115082	Hoàng Thị Hạnh Nghia	DH14GB	Hạnh			1.3	3.2	4.5	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
43	13154039	Nguyễn Văn Nghia	DH13OT	Nghia			1.2	2.8	4.0	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
44	13153016	Nguyễn Minh Ngọc	DH13CD	Ngọc			3	3.5	6.5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 02265



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 001_TINCHI7_02

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 06/07/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi CT201

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi: 42 Số sinh viên vắng: 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

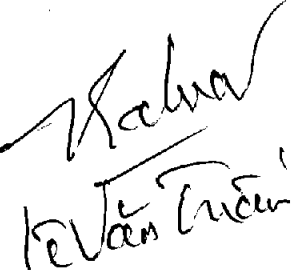
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

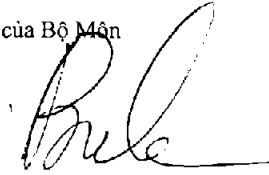
Xác nhận của Bộ Môn

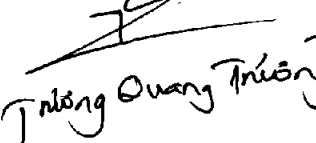
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Le Văn Tuấn


Ngô Thanh Phong


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích


Trương Quang Trường



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm **Sức bền vật liệu (207113) - 002_TINCHI7_02**

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 06/07/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi CT101

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp **DH13NL (Công nghệ kĩ thuật nhiệt)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ±%	Đ2 30%	Đ3 Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13137103	Nguyễn Tăng Phát	DH13NL				1	✓	✓	●0012345678910	00123456789
2	13118230	Cao Hoàng Phi	DH13CK				1	✓	✓	●0012345678910	00123456789
3	13138163	Phạm Lưu Phước	DH13TD	<i>Phuoc</i>			1,9	2,1	4,0	○001234●5678910	●0123456789
4	13137112	Nguyễn Minh Quan	DH13NL	<i>Minh Quan</i>			1,8	3,9	5,7	○001234●678910	00123456●89
5	13138166	Ngô Nguyễn Minh Quân	DH13TD	<i>Minh Quan</i>			3	2,1	5,1	○001234●678910	0●23456789
6	15153051	Nguyễn Anh Quân	DH15CD	<i>Anh Quan</i>			3	0	3,0	○0012●45678910	●0123456789
7	14137062	Nguyễn Ngọc Sơn	DH14NL	<i>Son</i>			1,3	3,2	4,5	○00123●5678910	001234●6789
8	16115147	Nguyễn Thị Thu Sương	DH16GB	<i>Suong</i>			2,4	2,1	4,5	○00123●5678910	001234●6789
9	13118049	Lương Ngọc Tân	DH13CK	<i>Tan</i>			1,5	2,5	4,0	○00123●5678910	●0123456789
10	16153085	Huỳnh Công Thành	DH16CD	<i>Thanh</i>			3	5,3	8,3	○001234567●910	0012●456789
11	16115159	Nguyễn Tâm Thành	DH16GB	<i>Thanh</i>			2,8	2,8	5,5	○001234●678910	001234●6789
12	16115164	Trương Thị Thảo	DH16GN	<i>Thao</i>		1	1,5	5	7,5	○00123456●8910	001234●6789
13	13138201	Văn Thiên Thăng	DH13TD			<i>can thi</i>			✓	●0012345678910	00123456789
14	13137133	Nguyễn Đại Thiên	DH13NL				✓	✓	✓	●0012345678910	00123456789
15	14115376	Thái Kế Thiện	DH14GN	<i>Thien</i>			✓	0	0,0	○●012345678910	●0123456789



Mã nhận dạng 02266

Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 002_TINCHI7_02

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 06/07/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi CT101

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp

DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14118265	Nguyễn Quốc Thịnh	DH14CC				2.1	6.0	8.1	001234567●910	0●23456789
17	14115380	Vũ Đức Thịnh	DH14GN				1.2	1.4	2.6	001●345678910	012345●789
18	16115167	Thái Mỹ Thoa	DH16GN				2.2	1.8	4.0	00123●5678910	●123456789
19	15114156	Nguyễn Công Thông	DH15CB				1.5	0.8	2.2	001●345678910	01●3456789
20	14118267	Nguyễn Hoàng Thông	DH14CK				/	/	/	●012345678910	0123456789
21	13115114	Nguyễn Bùi Minh Thúc	DH13CB				1.5	2.5	4.0	00123●5678910	●123456789
22	14115250	Châu Ngọc Thương	DH14GN				1.2	4.6	5.8	001234●678910	01234567●9
23	16137081	Võ Ngọc Thương	DH16NL			0.8	3	6.3	10.0	00123456789●	●123456789
24	16114300	Mai Thị Cẩm Tiên	DH16GN				1.5	6.3	7.8	00123456●8910	01234567●9
25	16115244	Nguyễn Bảo Toàn	DH16CB				3	5.6	8.6	001234567●910	012345●789
26	16115182	Nguyễn Thị Thùy Trang	DH16CB				2.4	3.2	5.6	001234●678910	012345●789
27	14115397	Ngô Thị Bích Trâm	DH14CB				1.9	2.1	4.0	00123●5678910	●123456789
28	16137085	Phan Thanh Trọng	DH16NL				3	6.8	9.8	0012345678●10	0123456●89
29	14137088	Huỳnh Văn Trường	DH14NL				3	3.5	6.5	0012345●78910	01234●6789
30	16115193	Nguyễn Tuấn Trường	DH16GB				3	2.1	5.1	001234●678910	0●23456789



Mã nhận dạng 02266



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Sức bền vật liệu (207113) - 002_TINCHI7_02

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 06/07/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi CT101

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH15CB (Chế biến lâm sản)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	15115188	Nguyễn Thanh Tú	DH15CB				1,5	0	1,5	○ 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
32	16115196	Ngô Thanh Tùng	DH16CB				3	6,8	9,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
33	14137091	Phạm Đức	DH14NL				1,2	2,8	4,0	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	16115205	Trần Thị Thanh Vi	DH16CB				3	8	10,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ●	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	15118131	Dương Quốc Việt	DH15CK				1,5	0	1,5	○ 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
36	14115418	Đặng Trọng Quốc Việt	DH14GN				2,4	4,6	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi ~~31~~ Số sinh viên vắng: ~~5~~.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1

Trương Quang Trường

Cán Bộ Chấm Thi 2



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Cơ học kỹ thuật (207130) - 001_DH14CC_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 03/07/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ±%	Đ2 ±%	Đ3 ±%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118001	Nguyễn Bình An	DH15CK				1.4	5.6	7.0	0012345678910	0123456789
2	14118004	Đồng Văn Bảo	DH14CK				1.4	0	1.4	0012345678910	0123456789
3	14118102	Hồ Chí Bảo	DH14CK				1	5.2	7.2	0012345678910	0123456789
4	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC				1.5	4.8	6.3	0012345678910	0123456789
5	14118108	Trần Văn Bốn	DH14CK				1.5	6.8	8.3	0012345678910	0123456789
6	14118008	Nguyễn Đăng Châu	DH14CK				1.8	3.6	5.4	0012345678910	0123456789
7	14118114	Thái Văn Chiến	DH14CC				1.9	2.8	4.7	0012345678910	0123456789
8	14154080	Nguyễn Hoàng Diễm	DH14OT				1	2.6	3.6	0012345678910	0123456789
9	14118013	Bùi Tấn Dương	DH14CK				0.3	—	—	0012345678910	0123456789
10	14118135	Nguyễn Phát Đạt	DH14CC				1	4	6	0012345678910	0123456789
11	14118136	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC			1	2	5.6	8.6	0012345678910	0123456789
12	13118113	Phạm Thành Đạt	DH13CC				1.5	—	—	0012345678910	0123456789
13	14118139	Phạm Thành Đạt	DH14CC				1.5	3.2	4.7	0012345678910	0123456789
14	15118019	Nguyễn Tấn Đồng	DH15CK				1.3	1.6	2.9	0012345678910	0123456789
15	14118149	Hà Văn Giao	DH14CC				1.6	5.2	6.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02275

Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Cơ học kỹ thuật (207130) - 001_DH14CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 03/07/2018

Giờ Thi: 12:15

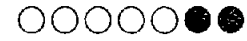
Phòng Thi TV303

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14154017	Lê Minh Hải	DH14OT				2	5.6	7.6	0012345678910	0123456789
17	14118025	Lê Quang Hiền	DH14CK				1.5	4.8	6.3	0012345678910	0123456789
18	14118160	Võ Đức Hiệp	DH14CC				1.5	6	7.5	0012345678910	0123456789
19	14118026	Nguyễn Đức Hiếu	DH14CK				2	2	4	0012345678910	0123456789
20	14118167	Nguyễn Văn Hóa	DH14CC				2	4.8	6.8	0012345678910	0123456789
21	13154023	Nguyễn Thanh Minh	DH13OT				1.4	2.8	4.2	0012345678910	0123456789
22	14118164	Tôn Nhật	DH14CK				2	6.8	8.8	0012345678910	0123456789
23	14118170	Bùi Quang Huy	DH14CK				1.6	4	5.6	0012345678910	0123456789
24	14118029	Đào Văn Huy	DH14CC				1.6	1.6	3.2	0012345678910	0123456789
25	14118031	Nguyễn Trường Huy	DH14CC				1.4	6	7.4	0012345678910	0123456789
26	14118187	Nguyễn Hữu Khôi	DH14CC				/	/	/	0012345678910	0123456789
27	14118036	Nguyễn Thành Lễ	DH14CC				2	3.6	5.6	0012345678910	0123456789
28	14118038	Thượng Công Lộc	DH14CK				2	4.8	6.8	0012345678910	0123456789
29	13118209	Đỗ Văn Minh	DH13CK				/	/	/	0012345678910	0123456789
30	12118064	Nguyễn Thái Ngọc	DH12CK				1.5	/	/	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02275

Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Cơ học kỹ thuật (207130) - 001_DH14CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 03/07/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	14118206	Lê Từ Nguyên	DH14CC				1.4	3.6	5.0	0012345678910	1123456789
32	13118033	Phạm Đình Nguyên	DH13CK				2	5.6	7.6	0012345678910	0123456789
33	13118221	Võ Văn Nguyên	DH13CK				1.5	2.6	4.1	0012345678910	0123456789
34	14118215	Võ Tấn Phát	DH14CC				1.6	4.4	6.0	0012345678910	1123456789
35	14118048	Bùi Hoàng Phong	DH14CC				0.9	2.8	3.7	0012345678910	0123456789
36	14118228	Trần Hữu Phước	DH14CC				1.9	4.8	6.7	0012345678910	0123456789
37	14118222	Nguyễn Thành Phương	DH14CC				1.9	6.4	8.3	0012345678910	0123456789
38	14118234	Nguyễn Thiện Quang	DH14CC				1.3	1.6	2.9	0012345678910	0123456789
39	14154043	Nguyễn Thanh Quân	DH14OT				2	6	8.0	0012345678910	1123456789
40	14118058	Hà Trọng Quốc	DH14CK				1.5	4	5.5	0012345678910	0123456789
41	14118237	Trần Quốc Sang	DH14CC				1.2	2.8	4.0	0012345678910	1123456789
42	14118239	Văn Công Sĩ	DH14CK				1.5	2.6	4.1	0012345678910	0123456789
43	13118047	Phạm Minh Tài	DH13CK				2	2	4.0	0012345678910	1123456789
44	14118256	Nguyễn Quốc Thắng	DH14CC				1.5	5.6	7.1	0012345678910	0123456789
45	14118263	Nguyễn Tấn Thiện	DH14CC				0.8	0.8	1.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02275

Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Cơ học kỹ thuật (207130) - 001_DH14CC_01

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi 03/07/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	14118265	Nguyễn Quốc Thịnh	DH14CC				1.8	4.4	6.2	0012345678910	0123456789
47	14118267	Nguyễn Hoàng Thông	DH14CK				0.4	/	/	0012345678910	0123456789
48	14154059	Phạm Văn Thúc	DH14OT				2	5.6	7.6	0012345678910	0123456789
49	13118298	Nguyễn Văn Tiến	DH13CC				1.4	5	6.4	0012345678910	0123456789
50	14118076	Nguyễn Văn Toán	DH14CC				1.6	6.4	8.0	0012345678910	0123456789
51	14118083	Trương Minh Trí	DH14CK				2	6.8	8.8	0012345678910	0123456789
52	14118283	Lê Đức Trọng	DH14CK				2	6	8.0	0012345678910	0123456789
53	14154062	Nguyễn Thế Trọng	DH14OT				1	4	5.0	0012345678910	0123456789
54	14118293	Lê Văn Trùng	DH14CK				1.6	2.4	4.0	0012345678910	0123456789
55	14118294	Nguyễn Phi Trường	DH14CK				2	3.2	5.2	0012345678910	0123456789
56	14118092	Nguyễn Hoàng Anh Tú	DH14CC				1.8	5.2	7.0	0012345678910	0123456789
57	14118305	Trương Thanh Tùng	DH14CK				0.9	4.4	5.3	0012345678910	0123456789
58	14118089	Nguyễn Nhật Tuyên	DH14CC				1.8	4.4	6.2	0012345678910	0123456789
59	14118093	Trần Phước Vinh	DH14CK				1.5	5.2	6.7	0012345678910	0123456789
60	13118354	Lê Lương Tuấn Vũ	DH13CC				0.9	3.4	4.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02275



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Cơ học kỹ thuật (207130) - 001_DH14CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 03/07/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi: 54. Số sinh viên vắng: 06

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Trương Quang Trường


Lê Quang Hiền


Trương Quang Trường



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm **Cơ học kỹ thuật (207130) - 001_DH14OT_02**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi **03/07/2018**

Giờ Thi: **12:15**

Phòng Thi **TV102**

Giảng viên: **Trương Quang Trường**

Lớp **DH14CK (Cơ khí nông lâm)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Đ3 ± %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118097	Trần Lâm An	DH14CK				1.9	5.1	7.1	0012345678910	0123456789
2	14154067	Đỗ Đức Anh	DH14OT							0012345678910	0123456789
3	14154005	Nông Chí Bảo	DH14OT				1	4	6.0	0012345678910	0123456789
4	14118109	Đào Hữu Cảnh	DH14CK				2	6	8.0	0012345678910	0123456789
5	14118117	Lê Tiến Công	DH14CK				2	4.8	6.8	0012345678910	0123456789
6	14118128	Nguyễn Văn Duy	DH14CK				1.3	2.8	4.1	0012345678910	0123456789
7	14118012	Phạm Đăng Duy	DH14CC				2	6	8.0	0012345678910	0123456789
8	14118132	Nguyễn Võ Trí Dương	DH14CK				2	6	8.0	0012345678910	0123456789
9	14154012	Nguyễn Tuấn Đạt	DH14OT				1.6	4.4	6.0	0012345678910	0123456789
10	14118016	Phạm Tấn Đạt	DH14CK				1.9	3.6	5.5	0012345678910	0123456789
11	14118017	Nguyễn Thanh Điền	DH14CK				1.4	4	5.4	0012345678910	0123456789
12	14154014	Đoàn Minh Độ	DH14OT				1.5	2.8	4.3	0012345678910	0123456789
13	14154015	Huỳnh Thiện Đức	DH14OT				2	4.4	6.4	0012345678910	0123456789
14	14118019	Nguyễn Hùng Giang	DH14CC				1.5	4	5.5	0012345678910	0123456789
15	14118022	Nguyễn Mạnh Hải	DH14CK				2	4	6.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02276



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Cơ học kỹ thuật (207130) - 001_DH14OT_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 03/07/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV102

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH13OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13154108	Đỗ Minh Hiếu	DH13OT				1.5	8.2	6.8	0012345678910	0123456789
17	14118158	Vũ Văn Hiếu	DH14CK				1.9	2.4	4.2	0012345678910	0123456789
18	14118166	Võ Văn Hòa	DH14CK				2	8.6	7.6	0012345678910	0123456789
19	14118162	Bùi Xuân Hoàng	DH14CK				2	6.8	8.8	0012345678910	0123456789
20	14118027	Nguyễn Đại	DH14CK				1.9	2.2	4.5	0012345678910	0123456789
21	14118168	Nguyễn Thái	DH14CK				1.4	4	5.4	0012345678910	0123456789
22	14154022	Nguyễn Khánh	DH14OT				1.9	3.6	5.5	0012345678910	0123456789
23	14118177	Phạm Ngọc Hưng	DH14CK				1.9	4.8	6.7	0012345678910	0123456789
24	14118185	Hoàng Nguyễn Anh	DH14CK				2	2	4.0	0012345678910	0123456789
25	14118034	Đinh Đức	DH14CK				2	4	6.0	0012345678910	0123456789
26	14154030	Đỗ Đức Linh	DH14OT				2	3.2	5.2	0012345678910	0123456789
27	14118191	Trần Hoài	DH14CK				1.8	8.6	7.4	0012345678910	0123456789
28	14118192	Lê Thành	DH14CK				1.4	4.8	6.2	0012345678910	0123456789
29	14154032	Nguyễn Văn Hoàng	DH14OT				/	/	/	0012345678910	0123456789
30	13154144	Đoàn Lợi	DH13OT				2	4.8	6.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02276



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Cơ học kỹ thuật (207130) - 001_DH14OT_02

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 03/07/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV102

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	14154037	Hoàng Văn Nam	DH14OT				2	4	6.6	0012345678910	0123456789
32	14118200	Phạm Quang	DH14CK				1.7	6.4	8.1	0012345678910	0123456789
33	15118070	Lý Nghé	DH15CK				1.5	3.2	4.7	0012345678910	0123456789
34	14118044	Cao Hữu Nhân	DH14CK				2	4	6.0	0012345678910	0123456789
35	14118216	Nguyễn Nhật Phi	DH14CK				2	6	8.0	0012345678910	0123456789
36	14154133	Trương Thái Phi	DH14OT				2	4.6	6.6	0012345678910	0123456789
37	14118217	Đỗ Thanh Phong	DH14CK				1	5	6.0	0012345678910	0123456789
38	14118050	Nguyễn Thành Phong	DH14CK				1.4	5	6.4	0012345678910	0123456789
39	14118052	Châu Hoàng Phúc	DH14CK				1.8	5.2	7.0	0012345678910	0123456789
40	14118053	Ngô Tấn Phúc	DH14CK				1.9	2.4	4.3	0012345678910	0123456789
41	14118221	Nguyễn Thanh Phương	DH14CK				2	4.4	6.4	0012345678910	0123456789
42	14118223	Phạm Hoàng Phương	DH14CK				1	3.6	4.6	0012345678910	0123456789
43	14154044	Điền Quyết	DH14OT				1.5	4.8	6.3	0012345678910	0123456789
44	14118236	Nguyễn Văn Sang	DH14CK				1.9	2.8	4.7	0012345678910	0123456789
45	14118240	Trịnh Văn Sơn	DH14CK				2	6	8.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02276



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Cơ học kỹ thuật (207130) - 001_DH14OT_02

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 03/07/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV102

Giảng viên: Trương Quang Trường

Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	14154139	Lê Tấn Tài	DH14OT				2	0.8	2.8	0010345678910	0123456709
47	14118245	Nguyễn Văn Tài	DH14CK				2	6.4	8.4	0012345670910	0123056789
48	14118062	Dỗ Văn Tàu	DH14CK				2	5.2	7.2	0012345608910	0103456789
49	14154049	Hoàng Ngọc Tấn	DH14OT				2	7.2	9.2	0012345678010	0103456789
50	14154053	Võ Hoàng Thắng	DH14OT				2	5.2	7.2	0012345608910	0103456789
51	14118259	Nguyễn Gia Thế	DH14CK				2	2.8	4.8	0012305678910	0123456709
52	14118264	Nguyễn Xuân Thiệu	DH14CK				1.4	0	1.4	0002345678910	0123056789
53	14154057	Ôn Hoa Thu	DH14OT				1.4	4.2	5.6	0012340678910	0123450789
54	14118081	Lê Ngọc Đăng Trình	DH14CK				2	6.4	8.4	0012345670910	0123056789
55	14118086	Nguyễn Công Truyền	DH14CK				1.8	1.6	3.4	0012045678910	0123056789
56	14118292	Nguyễn Tấn Truyền	DH14CK				2	2	4.0	0012305678910	0123456789
57	14154063	Võ Đình Trường	DH14OT				2	5.4	7.4	0012345608910	0123056789
58	14118087	Nguyễn Minh Tuấn	DH14CK				2	2	4.0	0012305678910	0123456789
59	14118088	Hồ Hoàng Tuấn	DH14CK				2	8	10.0	001234567890	0123456789
60	14118090	Lê Văn Tùng	DH14CK				2	2.4	4.4	0012305678910	0123056789



Mã nhận dạng 02276



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi**Điểm thi học kỳ**

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm **Cơ học kỹ thuật (207130) - 001_DH14OT_02**

Số Tín Ch 2

Ngày Thi **03/07/2018**Giờ Thi: **12:15**Phòng Thi **TV102**Giảng viên: **Trương Quang Trường**Lớp **DH15CK (Cơ khí nông lâm)**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
61	15118127	Phan Xuân Tùng	DH15CK				1.5	5.6	7.1	0012345678910	0123456789
62	14118311	Trần Xuân Vinh	DH14CK				1.9	7.2	9.1	0012345678910	0123456789
63	14118313	Hoàng Tuấn Vũ	DH14CK				1.5	5.6	7.1	0012345678910	0123456789
64	14118314	Lương Trọng Vũ	DH14CK				1.9	3.6	5.5	0012345678910	0123456789
65	14118322	Nguyễn Duy Xuân	DH14CK				2	7.6	9.6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: **6.3** Số sinh viên vắng: **0.2**

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N. V. Hiệp
Lê Khắc Quý
Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 02277

Trang 1/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 001_DH16CC_03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 11/07/2018 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi CT201 Giảng viên: Bùi Ngọc Hùng

Lớp DH15CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118001	Nguyễn Bình An	DH15CK			8.2	7.5	4.8	6.3	0012345●78910	012●456789
2	16118009	Nguyễn Thái An	DH16CC			9.4	7.0	4.8	6.5	0012345●78910	01234●6789
3	15138001	Trương Văn An	DH15TD			5.2	6.0	6.0	5.8	001234●678910	01234567●9
4	13154078	Nguyễn Thái Bình	DH13OT	✓	✓					0012345678910	0123456789
5	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC			3.3	7.5	4.8	5.1	001234●678910	0●23456789
6	16118019	Nguyễn Tuấn Châu	DH16CC			8.2	7.5	7.5	7.7	00123456●8910	0123456●89
7	15118008	Lê Trung Chiến	DH15CK			8.2	5.0	3.8	5.2	001234●678910	01●3456789
8	15138010	Dặng Xuân Danh	DH15TD	✓	✓					0012345678910	0123456789
9	16153008	Nguyễn Thanh Danh	DH16CD			9.4	7.5	4.5	6.5	0012345●78910	01234●6789
10	16118027	Trần Mậu Dân	DH16CC			8.2	7.0	5.3	6.5	0012345●78910	01234●6789
11	16118035	Phạm Anh Dũng	DH16CK			7.6	6.0	5.3	6.1	0012345●78910	0●23456789
12	15118026	Ngô Hồng Duy	DH15CK			8.2	7.5	6.5	7.2	00123456●8910	01●3456789
13	15138018	Nguyễn Hữu Duy	DH15TD			6.4	6.0	6.1	6.2	0012345●78910	01●3456789
14	15138019	Nguyễn Vũ Hoàng Duy	DH15TD			6.4	6.0	4.8	5.5	001234●678910	01234●6789
15	13153003	Phạm Trần Anh Duy	DH13CD			2.4	0	3.6	2.4	001●345678910	0123●56789



Mã nhận dạng 02277

Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 001_DH16CC_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 11/07/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi CT201

Giảng viên: Bùi Ngọc Hùng

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 25%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14153010	Trần Vũ Anh Duy	DH14CD			0	0	6.3	3.2	0012345678910	0123456789
17	15138020	Võ Hải Duy	DH15TD			7.0	6.0	6.0	6.3	0012345678910	0123456789
18	15118023	Nguyễn Minh Dương	DH15CC			3.6	0	5.0	3.4	0012345678910	0123456789
19	15118010	Lâm Văn Đại	DH15CK			8.2	5.0	5.8	6.2	0012345678910	0123456789
20	15153011	Ngô Phú Đỗ	DH15CD			9.4	7.5	6.3	7.4	0012345678910	0123456789
21	15154016	Huỳnh Quang Đường	DH15OT			7.6	5.0	7.8	7.1	0012345678910	0123456789
22	15153015	Lê Cảnh Trường Giang	DH15CD			2.7	9.0	6.5	6.2	0012345678910	0123456789
23	15154018	Lê Trường Giang	DH15OT			0	6.0	6.1	4.6	0012345678910	0123456789
24	14154017	Lê Minh Hải	DH14OT			4.5	7.0	4.8	5.3	0012345678910	0123456789
25	15153019	Nguyễn Nhựt Hào	DH15CD			7.6	6.5	4.5	5.8	0012345678910	0123456789
26	15153018	Dương Thanh Hân	DH15CD			7.6	8.0	6.0	6.9	0012345678910	0123456789
27	16118053	Trần Thanh Hậu	DH16CK			6.4	8.5	6.1	6.8	0012345678910	0123456789
28	14118025	Lê Quang Hiền	DH14CK			4.9	6.5	3.1	4.4	0012345678910	0123456789
29	15118034	Hoàng Anh Hiếu	DH15CC			5.7	8.5	6.8	7.0	0012345678910	0123456789
30	15153023	Lê Trung Hiếu	DH15CD			1.3	0	5.8	3.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02277

Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 001_DH16CC_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 11/07/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi CT201

Giảng viên: Bùi Ngọc Hùng

Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25 %	Đ2 25 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	15153025	Nguyễn Minh Hiếu	DH15CD			27	8.5	6.3	6.0	0012345678910	0123456789
32	14118166	Võ Văn Hòa	DH14CK			5.1	7.0	4.8	5.4	0012345678910	0123456789
33	17454001	Đặng Văn Huy	LT17OT			9.4	7.0	5.8	7.0	0012345678910	0123456789
34	16118061	Huỳnh Tấn Hữu	DH16CC			9.4	5.0	6.1	6.7	0012345678910	0123456789
35	15138030	Nguyễn Duy Kha	DH15TD			8.2	6.0	6.3	6.7	0012345678910	0123456789
36	16118072	Phạm Minh Khoa	DH16CC			6.3	5.0	5.8	5.7	0012345678910	0123456789
37	15138038	Nguyễn Hoàng Long	DH15TD			4.6	5.0	6.1	5.5	0012345678910	0123456789
38	16118086	Nguyễn Đại Lộ	DH16CC			8.1	3.0	6.0	5.8	0012345678910	0123456789
39	15138036	Huỳnh Tấn Lộc	DH15TD			5.2	6.5	6.3	6.1	0012345678910	0123456789
40	15153032	Huỳnh Tấn Lợi	DH15CD			4.6	8.0	5.5	5.9	0012345678910	0123456789
41	16118098	Nguyễn Bình Trí	DH16CK			7.6	6.0	4.6	5.7	0012345678910	0123456789
42	17454002	Lê Quý Mến	LT17OT			9.4	8.0	5.8	7.3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 40 Số sinh viên vắng: 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

15/11/2018 Cán bộ coi thi 1

TS. Bùi Ngọc Hùng

TS. Bùi Ngọc Hùng

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 002_DH16CC_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 11/07/2018 Giờ Thi: 09:30 Phòng Thi CT101 Giảng viên: Bùi Ngọc Hùng

Lớp LT17OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô (Liên thông))

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25 %	Đ2 25 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17454003	Trần Hữu Nghĩa	LT17OT	<i>Trần Hữu Nghĩa</i>		7.0	7.0	3.1	5.1	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	15138043	Trần Thành Nghĩa	DH15TD							○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	16118104	Đào Xuân Nguyên	DH16CK	<i>Đào Xuân Nguyên</i>		7.6	7.5	6.3	6.9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
4	15153044	Nguyễn Văn Nhân	DH15CD							○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	15118076	Trương Trọng Nhân	DH15CC	<i>Trương Trọng Nhân</i>		6.3	4.5	5.0	5.2	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	15153046	Phạm Huỳnh Pháp	DH15CD	<i>Phạm Huỳnh Pháp</i>		4.0	9.0	8.0	7.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	17454004	Trần Hoàng Phi	LT17OT	<i>Trần Hoàng Phi</i>						○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	14154133	Trương Thái Phi	DH14OT			6.3	5.0	5.0	5.3	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	16118116	Nguyễn Thanh Phong	DH16CC	<i>Nguyễn Thanh Phong</i>		7.0	4.0	7.5	6.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	14118234	Nguyễn Thiện Quang	DH14CC	<i>Nguyễn Thiện Quang</i>		5.7	7.0	2.1	4.2	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	16118123	Nguyễn Tòng Quân	DH16CC	<i>Nguyễn Tòng Quân</i>		1.9	0	1.4	1.2	○ ○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	14118057	Tạ Minh Quân	DH14CK							○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	17454005	Hồ Vũ Quát	LT17OT	<i>Hồ Vũ Quát</i>		9.4	8.0	7.3	8.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	15118086	K" San	DH15CK	<i>K" San</i>		8.2	7.0	4.8	6.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	17454006	Huỳnh Lê Sang	LT17OT	<i>Huỳnh Lê Sang</i>		4.6	6.5	5.3	5.4	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02278

Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 002_DH16CC_03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 11/07/2018

Giờ Thi: 09:30

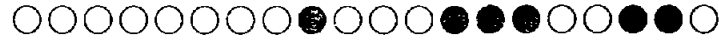
Phòng Thi CT101

Giảng viên: Bùi Ngọc Hùng

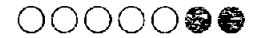
Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14118237	Trần Quốc Sang	DH14CC			1.9	3.0	4.5	3.5	0012345678910	0123456789
17	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK			4.5	6.0	4.0	4.6	0012345678910	0123456789
18	16118138	Nguyễn Anh Tài	DH16CK			7.6	8.0	6.3	7.1	0012345678910	0123456789
19	15153060	Nguyễn Hữu Thạch	DH15CD			1.3	8.0	7.0	5.8	0012345678910	0123456789
20	15154054	Nguyễn Văn Thảo	DH15OT			2.7	6.5	6.8	5.7	0012345678910	0123456789
21	15153062	Lâm Minh Thi	DH15CD			8.1	8.5	5.5	6.9	0012345678910	0123456789
22	17454007	Trần Huỳnh Tiến	LT17OT			6.4	7.5	5.5	6.2	0012345678910	0123456789
23	17454008	Đặng Quốc Trí	LT17OT			7.6	7.0	5.8	6.6	0012345678910	0123456789
24	15118117	Lý Ngọc Trọng	DH15CK			8.2	7.0	6.6	7.1	0012345678910	0123456789
25	17454009	Trần Quý	LT17OT			7.0	8.0	6.3	6.9	0012345678910	0123456789
26	15153071	Hồ Thái Trung	DH15CD			2.7	6.5	4.6	4.6	0012345678910	0123456789
27	15118121	Lê Quang Trường	DH15CK			4.6	7.0	6.3	6.1	0012345678910	0123456789
28	16153102	Nguyễn Minh Tuấn	DH16CD			6.3	0	4.6	3.9	0012345678910	0123456789
29	14138111	Võ Xuân Tùng	DH14TD							0012345678910	0123456789
30	15118132	Phạm Thế Vinh	DH15CK			7.6	7.0	6.5	6.9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02278



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 002_DH16CC_03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 11/07/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi CT101

Giảng viên: Bùi Ngọc Hùng

Lớp DH16CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	16118179	Nguyễn Minh Vương	DH16CK	<i>Nguyễn</i>		6.3	7.0	6.0	6.3	0012345●78910	012●456789
32	15118137	Nguyễn Quốc Vương	DH15CK	<i>Quốc</i>		7.6	7.0	5.8	6.6	0012345●78910	012345●789
33	16118180	Võ Quang Vy	DH16CK	<i>Quang</i>		7.6	7.0	5.8	6.6	0012345●78910	012345●789
34	17454010	Đặng Đình Vy	LT17OT	<i>Đặng</i>		9.4	6.0	6.3	7.0	00123456●8910	●123456789

Số sinh viên dự thi: 29 Số sinh viên vắng: 5

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Phương Thảo
Nguyễn Hùng Anh

BH
TS. Bùi Ngọc Hùng

BH
TS. Bùi Ngọc Hùng



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Công nghệ &TB CB lúa gạo (207212) - 001_DH15CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 29/06/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD203

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118074	Võ Đăng Phạm Anh	DH13CC	<i>Ph.</i>		8,0	5,1	6,5	6,5	0012345●78910	01234●6789
2	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC	<i>ĐD</i>		8,0	0,0	2,0	2,8	001●345678910	01234567●9
3	14118317	Phạm Ngọc Châu	DH14CC	<i>Chau</i>		8,0	4,9	6,5	6,5	0012345●78910	01234●6789
4	15118007	Lâm Quang Chiến	DH15CC	<i>Ch</i>		7,5	0,0	3,5	3,6	0012●45678910	012345●789
5	14118114	Thái Văn Chiến	DH14CC	<i>Ch</i>		8,0	4,8	8,0	7,4	00123456●8910	0123●56789
6	14118012	Phạm Đăng Duy	DH14CC	<i>Duy</i>		9,0	7,9	7,0	7,6	00123456●8910	012345●789
7	15118023	Nguyễn Minh Dương	DH15CC	<i>D</i>		8,0	5,0	3,5	4,7	00123●5678910	0123456●89
8	15118024	Nguyễn Văn Hoàng Dương	DH15CC	<i>ĐD</i>		8,0	6,4	5,0	5,9	001234●678910	012345678●9
9	15118011	Lê Văn Đại	DH15CC	<i>Đ</i>		8,0	5,8	6,5	6,7	0012345●78910	0123456●89
10	13118109	Phạm Đại	DH13CC	<i>Đ</i>		8,0	0,0	5,0	4,6	00123●5678910	012345●789
11	14118135	Nguyễn Phát Đạt	DH14CC	<i>Đ</i>		6,5	7,1	6,5	6,6	0012345●78910	012345●789
12	14118136	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC	<i>Đ</i>		9,0	7,2	6,5	7,1	00123456●8910	0●23456789
13	14118137	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC	<i>Đ</i>		7,5	5,1	5,0	5,5	001234●678910	01234●6789
14	14118139	Phạm Thành Đạt	DH14CC	<i>Đ</i>		7,5	6,7	6,0	6,4	0012345●78910	0123●56789
15	14118148	Cao Thanh Giang	DH14CC	<i>GT</i>		9,0	0,0	4,5	4,5	00123●5678910	01234●6789



Mã nhận dạng 02283

Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Công nghệ & TB CB lúa gạo (207212) - 001_DH15CC_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 29/06/2018

Giờ Thi: 09:30

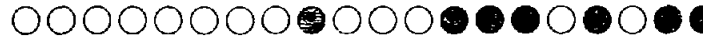
Phòng Thi HD203

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14118019	Nguyễn Hùng	Giang	DH14CC		7,0	5,7	8,0	7,3	0012345678910	0123456789
17	14118149	Hà Văn	Giao	DH14CC		7,0	6,5	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
18	14118021	Đỗ Kỳ	Hà	DH14CC		7,0	5,4	6,5	6,4	0012345678910	0123456789
19	12118033	Đỗ Văn	Hải	DH12CC		7,5	4,4	4,5	4,5	0012345678910	0123456789
20	15118029	Nguyễn Ngọc	Hải	DH15CC		9,0	8,3	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
21	14118160	Võ Đức	Hiệp	DH14CC		9,0	0,0	6,0	5,4	0012345678910	0123456789
22	15118034	Hoàng Anh	Hiếu	DH15CC		9,0	5,5	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
23	14118167	Nguyễn Văn	Hóa	DH14CC		6,5	6,6	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
24	14118029	Đào Văn	Huy	DH14CC		6,5	5,2	5,5	5,6	0012345678910	0123456789
25	14118031	Nguyễn Trường	Huy	DH14CC		8,0	4,0	4,0	4,4	0012345678910	0123456789
26	15118043	Trần Minh	Khang	DH15CC						0012345678910	0123456789
27	15118044	Huỳnh Quốc	Khanh	DH15CC		6,5	6,2	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
28	14118187	Nguyễn Hữu	Khôi	DH14CC						0012345678910	0123456789
29	15118048	Nguyễn Văn	Lam	DH15CC		8,0	5,2	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
30	14118036	Nguyễn Thành	Lễ	DH14CC		7,5	5,1	4,0	4,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02283



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Công nghệ &TB CB lúa gạo (207212) - 001_DH15CC_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 29/06/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD203

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13118196	Lê Văn Linh	DH13CC			9,0	5,3	4,0	5,3	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
32	15118057	Nguyễn Thanh Long	DH15CC			9,0	6,1	7,0	7,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
33	14118037	Trần Đình Hải	DH14CC			8,0	6,9	7,0	7,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
34	15118052	Trào An Lộc	DH15CC			8,0	5,7	4,5	5,4	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
35	15118053	Đặng Minh Lợi	DH15CC			7,5	4,1	6,0	5,9	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●

Số sinh viên dự thi: 33. Số sinh viên vắng: 2

Ngày ____ Tháng 8 Năm 2018

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

 Lê Quang Hùng

 Ngô Hải Đăng

 PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

 Nguyễn Văn Công Chính

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Công nghệ &TB CB lúa gạo (207212) - 002_DH15CC_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 29/06/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118059	Trương Minh Luân	DH15CC			7,5	6,8	9,0	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
2	15118061	Đoàn Minh Mẫn	DH15CC			6,5	5,8	3,5	4,6	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
3	15118064	Nguyễn Đức Minh	DH15CC			9,0	6,4	6,5	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	15118065	Nguyễn Trúc Minh	DH15CC			6,5	6,1	5,5	5,8	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
5	15118067	Nguyễn Hoài Nam	DH15CC			8,0	6,5	5,0	5,9	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
6	14118045	Trần Trọng Nhân	DH14CC			9,0	6,4	8,0	7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
7	15118076	Trương Trọng Nhân	DH15CC			8,0	4,5	4,5	5,2	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
8	14118046	Nguyễn Phúc Bảo Nhi	DH14CC			6,5	7,3	7,0	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	15118077	Nguyễn Minh Nhựt	DH15CC			9,0	5,8	6,0	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
10	14118047	Nguyễn Hữu Phát	DH14CC			9,0	7,3	8,0	8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14118215	Võ Tấn Phát	DH14CC			7,5	5,5	6,0	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
12	14118048	Bùi Hoàng Phong	DH14CC			7,0	2,4	2,0	3,1	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
13	15118079	Nguyễn Thanh Phong	DH15CC			8,0	5,8	4,5	5,5	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
14	14118219	Trần Nguyễn Hoàng Phú	DH14CC			6,5	5,7	6,0	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14118228	Trần Hữu Phước	DH14CC			7,5	4,4	4,0	4,8	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9



Mã nhận dạng 02284

Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Công nghệ & TB CB lúa gạo (207212) - 002_DH15CC_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 29/06/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14118222	Nguyễn Thành Phương	DH14CC	Phuong		8,0	6,1	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
17	14118234	Nguyễn Thiện Quang	DH14CC	Quang		7,5	1,8	2,0	3,1	0012345678910	0123456789
18	15118084	Bùi Quốc Qui	DH15CC	Qui		8,0	5,9	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
19	14118237	Trần Quốc Sang	DH14CC	Sang		7,0	2,2	4,5	4,5	0012345678910	0123456789
20	15118087	Nguyễn Thanh Sơn	DH15CC	Son		8,0	6,4	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
21	14118243	Nguyễn Thế Sơn	DH14CC	Son		6,5	5,2	6,0	5,9	0012345678910	0123456789
22	14118061	Lê Tiến Tài	DH14CC	Tai		7,5	7,0	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
23	15118091	Phạm Tấn Tài	DH15CC	Tai		9,0	6,1	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
24	14118254	Nguyễn Hữu Thái	DH14CC	Thai		9,0	5,8	9,5	8,7	0012345678910	0123456789
25	16118146	Hoàng Văn Thành	DH16CC	Thanh		8,0	7,4	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
26	14118256	Nguyễn Quốc Thắng	DH14CC	Thang		8,5	5,4	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
27	14118263	Nguyễn Tấn Thiện	DH14CC	Thien		8,5	3,2	5,5	5,7	0012345678910	0123456789
28	14118265	Nguyễn Quốc Thịnh	DH14CC	Thinh		6,5	5,7	5,0	5,4	0012345678910	0123456789
29	15118103	Nguyễn Hữu Thọ	DH15CC	Tho		9,0	6,2	3,5	5,1	0012345678910	0123456789
30	15118105	Nguyễn Hồng Tiến	DH15CC	Tien		9,0	6,8	5,0	6,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02284

Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Công nghệ & TB CB lúa gạo (207212) - 002_DH15CC_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 29/06/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD303

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	14118074	Phạm Đình Tiến	DH14CC			7,0	6,0	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
32	15118108	Lê Trung Tính	DH15CC			7,5	5,0	3,5	4,6	0012345678910	0123456789
33	14118076	Nguyễn Văn Toán	DH14CC			8,0	7,8	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
34	15118112	Nguyễn Hữu Trán	DH15CC			6,5	6,5	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
35	15118118	Nguyễn Bảo Trọng	DH15CC	✓	✓					0012345678910	0123456789
36	13118324	Phạm Ngọc Truyền	DH13CC			9,0	6,9	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
37	14118319	Lê Anh Tuấn	DH14CC			9,0	6,7	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
38	15118126	Nguyễn Minh Tuấn	DH15CC			8,0	6,7	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
39	14118089	Nguyễn Nhật Tuyên	DH14CC			8,0	4,4	5,5	5,8	0012345678910	0123456789
40	15118130	Huỳnh Tấn Vàng	DH15CC			9,0	6,4	9,0	8,5	0012345678910	0123456789
41	14118094	Lê Minh Võ	DH14CC			8,0	4,6	7,0	6,7	0012345678910	0123456789
42	15118135	Bùi Nhật Vương	DH15CC			8,0	7,1	7,5	7,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 41. Số sinh viên vắng: 01

Ngày ____ Tháng 8 Năm 2018

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 02285

Trang 1/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Máy gia công cơ học NSTP (207216) - 001_DH15CC_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 20/06/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 80%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118007	Lâm Quang Chiến	DH15CC			7,0	0	2,5	2,9	0010345678910	0123456780
2	14118012	Phạm Đăng Duy	DH14CC			8,5	6,4	9,0	8,4	0012345670910	0123056789
3	15118023	Nguyễn Minh Dương	DH15CC			7,0	4,0	3,0	4,0	0012305678910	0123456789
4	15118024	Nguyễn Văn Hoàng Dương	DH15CC			8,0	4,3	7,5	7,0	0012345608910	0123456789
5	15118011	Lê Văn Đại	DH15CC			8,0	4,2	8,0	7,2	0012345608910	0103456789
6	14118019	Nguyễn Hùng Giang	DH14CC			8,5	4,2	7,5	7,0	0012345608910	0123456789
7	15118029	Nguyễn Ngọc Hải	DH15CC			8,0	5,2	7,5	7,1	0012345608910	0023456789
8	15118034	Hoàng Anh Hiếu	DH15CC			8,0	5,7	8,5	7,8	0012345678910	0123456789
9	15118043	Trần Minh Khang	DH15CC		✓					0012345678910	0123456789
10	15118044	Huỳnh Quốc Khanh	DH15CC			7,5	3,9	3,0	4,1	0012305678910	0023456789
11	15118048	Nguyễn Văn Lâm	DH15CC			7,0	2,7	3,5	4,0	0012305678910	0123456789
12	15118057	Nguyễn Thanh Long	DH15CC			8,0	4,0	9,0	7,8	0012345608910	0123456709
13	15118052	Trào An Lộc	DH15CC			8,0	4,5	5,0	5,5	0012340678910	0123406789
14	15118053	Đặng Minh Lợi	DH15CC			8,0	1,6	5,5	5,2	0012340678910	0103456789
15	15118059	Trương Minh Luân	DH15CC			8,0	3,2	8,0	7,0	0012345608910	0123456789



Mã nhận dạng 02285

Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Máy gia công cơ học NSTP (207216) - 001_DH15CC_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 20/06/2018

Giờ Thi: 09:30

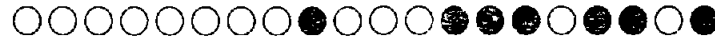
Phòng Thi TV303

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15118061	Đoàn Minh Mẫn	DH15CC			9,0	3,7	3,0	4,3	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
17	15118064	Nguyễn Đức Minh	DH15CC			8,5	5,1	4,0	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	15118065	Nguyễn Trúc Minh	DH15CC			9,0	3,9	3,5	4,7	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
19	15118067	Nguyễn Hoài Nam	DH15CC			6,5	3,3	3,5	4,1	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	15118076	Trương Trọng Nhân	DH15CC			7,0	3,0	4,0	4,4	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	15118077	Nguyễn Minh Nhựt	DH15CC			8,0	3,6	5,5	5,6	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
22	14118047	Nguyễn Hữu Phát	DH14CC			8,5	4,4	6,5	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	15118079	Nguyễn Thanh Phong	DH15CC			7,5	3,4	5,0	5,2	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	15118084	Bùi Quốc Qui	DH15CC			7,0	6,6	5,5	6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	15118087	Nguyễn Thanh Sơn	DH15CC			6,8	3,7	5,5	5,4	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
26	15118091	Phạm Tấn Tài	DH15CC			9,0	5,4	7,5	7,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
27	15118103	Nguyễn Hữu Thọ	DH15CC			7,0	5,0	5,0	5,4	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
28	15118105	Nguyễn Hồng Tiến	DH15CC			8,5	3,3	4,0	4,8	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
29	15118108	Lê Trung Tính	DH15CC			7,5	4,4	4,0	4,9	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
30	15118112	Nguyễn Hữu Trán	DH15CC			8,0	3,5	4,0	4,7	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02285



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Máy gia công cơ học NSTP (207216) - 001_DH15CC_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 20/06/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi TV303

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	15118118	Nguyễn Bảo Trọng	DH15CC			8,5	2,7	2,0	3,4	0012345678910	0123456789
32	13118324	Phạm Ngọc Truyền	DH13CC			8,5	5,8	3,0	4,7	0012345678910	0123456789
33	15118126	Nguyễn Minh Tuấn	DH15CC			8,0	4,7	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
34	15118128	Hoàng Trung Tướng	DH15CC			0	2,6	2,5	2,0	0012345678910	0123456789
35	15118130	Huỳnh Tấn Vàng	DH15CC			9,0	4,1	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
36	15118135	Bùi Nhật Vương	DH15CC			8,5	6,0	7,0	7,1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 35 Số sinh viên vắng: 1

Ngày ____ Tháng 8 Năm 2018

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

 Nguyễn Văn Tuấn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

 Nguyễn Văn Công Chính



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật sấy (207222) - 001_DH15NL_01**

Số Tín Ch 3

Ngày Thi **04/07/2018**

Giờ Thi: **12:15**

Phòng Thi **TV102**

Giảng viên: **Nguyễn Văn Công Chính**

Lớp **DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15137001	Nguyễn Huỳnh An	DH15NL			6,0	8,5	5,5	6,2	0012345●78910	01●3456789
2	15137002	Võ Trường An	DH15NL			6,0	7,0	3,0	4,4	00123●5678910	0123●56789
3	15137003	Chu Đăng Quốc	DH15NL			8,0	8,5	6,0	6,9	0012345●78910	012345678●
4	14137008	Lê Đình Ba	DH14NL			6,0	8,0	5,0	5,8	001234●678910	01234567●9
5	15137004	Nguyễn Chí Bảo	DH15NL			7,0	8,0	5,0	6,0	0012345●78910	●123456789
6	15137005	Nguyễn Đức Bửu	DH15NL			7,0	8,0	4,0	5,4	001234●678910	0123●56789
7	15137006	Phạm Văn Chính	DH15NL			6,0	9,0	6,5	6,9	0012345●78910	012345678●
8	15137007	Nguyễn Thái Du	DH15NL			7,0	7,5	5,0	5,9	001234●678910	012345678●
9	15137010	Từ Khắc Duy	DH15NL			7,0	8,5	6,0	6,7	0012345●78910	0123456●89
10	15118011	Lê Văn Đại	DH15CC			7,0	8,5	9,3	8,7	001234567●910	0123456●89
11	15137008	Châu Trần Minh Đức	DH15NL			7,5	7,5	4,0	5,4	001234●678910	0123●56789
12	15137009	Lê Thành Được	DH15NL			7,0	8,0	6,5	6,9	0012345●78910	012345678●
13	15137013	Nguyễn Trường Giang	DH15NL			8,0	8,5	9,5	9,0	0012345678●10	●123456789
14	16118045	Đào Văn Hải	DH16CC			7,0	9,0	8,0	8,0	001234567●910	●123456789
15	15137014	Nguyễn Ngọc Hải	DH15NL			8,5	8,0	8,0	8,1	001234567●910	0●23456789



Mã nhận dạng 02292

Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật sậy (207222) - 001_DH15NL_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 04/07/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV102

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15137016	Lê Công Hậu	DH15NL			6,0	8,5	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
17	15137017	Phạm Phước Hậu	DH15NL			6,0	8,5	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
18	15137019	Dương Thu Hiền	DH15NL			6,0	9,0	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
19	15137020	Trần Võ Trọng Hiếu	DH15NL			6,0	9,0	8,3	8,0	0012345678910	0123456789
20	15137022	Trần Văn Hoài	DH15NL			7,0	7,5	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
21	15137025	Bùi Quốc Huy	DH15NL			6,0	7,0	5,8	6,1	0012345678910	0123456789
22	15137027	Nguyễn Hoàng Huy	DH15NL			6,0	8,5	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
23	15137029	Phạm Đăng Huy	DH15NL			6,0	8,5	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
24	15137030	Vũ Gia Huy	DH15NL			6,0	8,5	7,3	7,3	0012345678910	0123456789
25	15137023	Quách Nguyễn Kim Hưng	DH15NL			7,0	9,0	9,0	8,6	0012345678910	0123456789
26	15137024	Vũ Quang Hưng	DH15NL			6,0	7,5	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
27	15137031	Nguyễn Hữu Kha	DH15NL			8,5	8,0	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
28	14137045	Nguyễn Quốc Khanh	DH14NL			7,0	7,5	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
29	15137034	Phạm Thanh Long	DH15NL			8,5	8,5	7,0	7,6	0012345678910	0123456789
30	15137036	Nguyễn Thái Ngọc	DH15NL			7,0	8,0	5,0	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02292



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm **Kỹ thuật sấy (207222) - 001_DH15NL_01**

Số Tín Ch 3

Ngày Thi **04/07/2018**

Giờ Thi: **12:15**

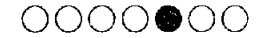
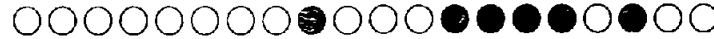
Phòng Thi **TV102**

Giảng viên: **Nguyễn Văn Công Chính**

Lớp **DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ. Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	15137072	Nguyễn Quang Nhựt	DH15NL			6,0	8,0	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
32	15137039	Lê Nam Phong	DH15NL			7,0	8,5	8,5	8,2	0012345678910	0123456789
33	15137040	Nguyễn Minh Phong	DH15NL			7,0	8,5	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
34	15137041	Trần Duy Phong	DH15NL			7,0	7,0	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
35	15137043	Nguyễn Văn Sang	DH15NL			7,0	8,0	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
36	15137044	Trần Xuân Sơn	DH15NL			7,0	8,5	5,0	6,1	0012345678910	0123456789
37	15137046	Nguyễn Thành Tâm	DH15NL			6,0	8,0	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
38	15137047	Phạm Thị Thanh Tâm	DH15NL			6,0	8,5	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
39	15137048	Nguyễn Đình Nhật Tân	DH15NL			7,0	7,5	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
40	15137049	Lâm Hồng Thái	DH15NL			7,0	8,0	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
41	14137070	Trần Văn Thành	DH14NL			6,0	7,5	4,3	5,3	0012345678910	0123456789
42	15137052	Lê Văn Thành	DH15NL			7,0	8,5	8,5	8,2	0012345678910	0123456789
43	15137050	Phan Minh Thâm	DH15NL			6,0	8,5	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
44	15137053	Bùi Văn Thi	DH15NL			7,0	8,0	2,0	4,2	0012345678910	0123456789
45	15137054	Chu Đức Thiện	DH15NL			6,0	8,5	8,0	7,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02292

Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật sây (207222) - 001_DH15NL_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 04/07/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV102

Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	15137055	Trần Ngọc Thiện	DH15NL	Thien		7,0	8,5	7,5	7,6	00123456●8910	012345●789
47	15137056	Huỳnh Phúc Thịnh	DH15NL	Phuc		7,0	9,0	5,0	6,2	0012345●78910	01●3456789
48	15137057	Lê Hữu Thọ	DH15NL	Tho		6,0	7,5	5,5	6,0	0012345●78910	●123456789
49	15137058	Nguyễn Thành Tiến	DH15NL	Tien		8,0	8,5	8,0	8,1	001234567●910	0●23456789
50	15137063	Nguyễn Phước Trịnh	DH15NL		V					●0012345678910	0123456789
51	15137064	Dỗ Bảo Trọng	DH15NL	Bao		7,0	8,0	9,0	4,8	00123●5678910	01234567●9
52	15118118	Nguyễn Bảo Trọng	DH15CC	Bao		6,0	9,0	3,3	5,0	001234●678910	●123456789
53	15137065	Lê Trung	DH15NL	Trung		6,0	9,0	2,0	4,2	00123●5678910	01●3456789
54	15118126	Nguyễn Minh Tuấn	DH15CC	Minh		6,0	8,5	8,0	7,7	00123456●8910	0123456●89
55	15137070	Nguyễn Anh Vũ	DH15NL	Anh		8,0	8,0	6,0	6,8	0012345●78910	01234567●9

Số sinh viên dự thi: 54/Số sinh viên vắng: 4...

Ngày ____ Tháng 7 Năm 2018

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Công Chính

Nguyễn Văn Tuấn

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Nguyễn Văn Công Chính



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Máy chế biến (207230) - 001_DH14CC_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 18/06/2018

Giờ Thi: 09:30

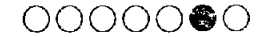
Phòng Thi HD205

Giảng viên: Bùi Ngọc Hùng

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC			6	4	8	6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14118114	Thái Văn Chiến	DH14CC			8	7	7	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14118012	Phạm Đăng Duy	DH14CC			6	8	8	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13118109	Phạm Đại	DH13CC			4	6	7	6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14118135	Nguyễn Phát Đạt	DH14CC			7	6	8	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14118136	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC			8	7	7	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118113	Phạm Thành Đạt	DH13CC							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14118139	Phạm Thành Đạt	DH14CC			9	7	7	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14118019	Nguyễn Hùng Giang	DH14CC			7	7	7	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14118149	Hà Văn Giao	DH14CC			8	7	5	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12118033	Đỗ Văn Hải	DH12CC			4	7	7	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14118160	Võ Đức Hiệp	DH14CC			8	7	7	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14118167	Nguyễn Văn Hóa	DH14CC			7	6	7	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14118029	Đào Văn Huy	DH14CC			8	6	7	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14118187	Nguyễn Hữu Khôi	DH14CC							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02294

Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Máy chế biến (207230) - 001_DH14CC_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 18/06/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD205

Giảng viên: Bùi Ngọc Hùng

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14118036	Nguyễn Thành Lễ	DH14CC			4	6	8	6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
17	14118206	Lê Từ Nguyên	DH14CC			8	6	7	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	14118215	Võ Tấn Phát	DH14CC			7	5	7	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
19	14118048	Bùi Hoàng Phong	DH14CC			3	5	5	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	14118228	Trần Hữu Phước	DH14CC			5	6	7	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	14118222	Nguyễn Thành Phương	DH14CC			6	7	7	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	14118234	Nguyễn Thiện Quang	DH14CC			4	6	8	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	14118256	Nguyễn Quốc Thắng	DH14CC			3	6	7	6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	14118263	Nguyễn Tấn Thiện	DH14CC			5	7	7	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	14118265	Nguyễn Quốc Thịnh	DH14CC			6	6	8	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
✓ 26	13118306	Nguyễn Chu Toàn	DH13CC			8				○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
27	14118076	Nguyễn Văn Toán	DH14CC			8	7	8	7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
28	13118324	Phạm Ngọc Truyền	DH13CC			8	6	7	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
29	13118326	Nguyễn Nhật Trường	DH13CC			2	5	7	5,5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
30	14118092	Nguyễn Hoàng Anh Tú	DH14CC			6	6	8	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02294



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Máy chế biến (207230) - 001_DH14CC_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 18/06/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD205

Giảng viên: Bùi Ngọc Hùng

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	14118089	Nguyễn Nhật Tuyền	DH14CC			8	6	8	7,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi: 28 Số sinh viên vắng: 3

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Đức

Trần Văn Tuấn

TS. Bùi Ngọc Hùng

TS. Bùi Ngọc Hùng



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 001_DH15CC_01 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 18/06/2018 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi HD203 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH16CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118014	Lê Văn Bảo	DH16CK			6,0	9,0	6,0	6,6	001234578910	012345789
2	16153014	Lê Văn Dự	DH16CD			6,0	9,3	7,5	7,6	0012345678910	012345789
3	15118024	Nguyễn Văn Hoàng	DH15CC			5,0	9,3	6,5	6,8	001234578910	012345679
4	16153021	Nguyễn Nhật Hải	DH16CD			6,0	9,3	7,3	7,4	0012345678910	012356789
5	15153017	Trịnh Văn Hải	DH15CD			6,0	6,0	4,0	3,6	001245678910	012345789
6	15154021	Nguyễn Trung Hậu	DH15OT			7,5	8,0	7,5	7,6	0012345678910	012345789
7	15137023	Quách Nguyễn Kim Hưng	DH15NL			7,0	10	10	9,4	001234567810	012356789
8	15118043	Trần Minh Khang	DH15CC							0012345678910	0123456789
9	15118044	Huỳnh Quốc Khanh	DH15CC			5,0	6,0	4,5	4,9	001235678910	012345678
10	16138048	K'Pa Krim	DH16TD			6,0	7,5	5,5	6,0	001234578910	0123456789
11	15153030	Hoàng Văn Kỳ	DH15CD			7,0	8,0	7,0	7,2	0012345678910	013456789
12	15118048	Nguyễn Văn Lam	DH15CC			5,0	9,5	5,5	6,2	001234578910	013456789
13	16118088	Nguyễn Hoàn Phước	DH16CC			7,0	9,5	5,5	6,6	001234578910	012345789
14	15118059	Trương Minh Luân	DH15CC			7,0	6,0	8,5	7,7	0012345678910	012345689
15	15118061	Đoàn Minh Mẫn	DH15CC			4,0	6,0	2,0	3,2	001245678910	013456789



Mã nhận dạng 02315



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

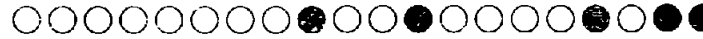
Môn Học\Nhóm Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực (207504) - 001_DH15CC_01 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 18/06/2018 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi HD203 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH15CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15118065	Nguyễn Trúc Minh	DH15CC			4,0	6,0	2,0	3,2	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
17	15118067	Nguyễn Hoài Nam	DH15CC			5,0	9,5	3,5	5,0	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	15137036	Nguyễn Thái Ngọc	DH15NL			5,0	10	8,0	7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
19	15118077	Nguyễn Minh Nhật	DH15CC			7,0	9,5	9,3	8,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
20	15118079	Nguyễn Thanh Phong	DH15CC			5,0	9,5	6,0	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	15118084	Bùi Quốc Qui	DH15CC			6,0	9,5	9,0	8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	16118129	Nguyễn Văn Quý	DH16CC			8,0	9,5	9,8	9,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	16118132	Huỳnh Sơn	DH16CC			6,5	9,5	7,5	7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
24	15154044	Nguyễn Vô Hoàng Sơn	DH15OT			5,0	7,0	1,0	3,0	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	13118047	Phạm Minh Tài	DH13CK			8,0	8,0	1,5	4,1	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
26	15118099	Huỳnh Nhật Thiện	DH15CK			6,0	6,5	2,5	4,0	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
27	15137057	Lê Hữu Thọ	DH15NL			6,0	10	5,5	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
28	15118108	Lê Trung Tính	DH15CC			8,0	9,5	7,5	8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
29	13118306	Nguyễn Chu Toàn	DH13CC			5,0	0,0	1,0	1,6	○ ○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
30	14118312	Hà Thành Vị	DH14CK			7,0	6,0	4,5	5,3	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02315



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 001_DH15CC_01 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 18/06/2018 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi HD203 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

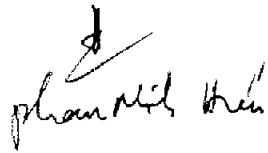
Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm) Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 29. Số sinh viên vắng: 1.

Ngày ____ Tháng 6 Năm 2018

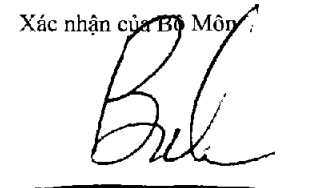
Cán bộ coi thi 1


Phan Việt Hùng

Cán bộ coi thi 2


Nguyễn Văn Công Chính

Xác nhận của Bộ Môn


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1


Nguyễn Văn Công Chính

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

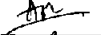
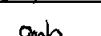
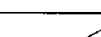
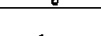
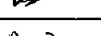
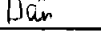
Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\ Nhóm **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 001_DH15CK_02** Số Tin Ch **3**

Ngày Thi 18/06/2018 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi HD303 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp **DH16CK (Cơ khí nông lâm)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118008	Hồ Thái An	DH16CK			8,0	10	9,8	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	15137001	Nguyễn Huỳnh An	DH15NL			7,0	10	2,5	4,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	15118003	Nguyễn Tuấn Anh	DH15CK			4,0	6,5	2,0	3,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14154003	Nguyễn Chí Bảo	DH14OT			7,0	5,5	2,5	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13118089	Bùi Thanh Cường	DH13CC							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	16118023	Huỳnh Trung Cường	DH16CK			8,0	10	3,5	5,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	15118009	Nguyễn Quốc Cường	DH15CK			4,0	5,5	3,5	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	15118012	Trần Thanh Danh	DH15CK			8,0	7,0	2,5	4,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	16118027	Trần Mậu Dân	DH16CC			6,0	10	5,5	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	15118022	Trần Hoàng Dũng	DH15CK							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	15118026	Ngô Hồng Duy	DH15CK			8,0	8,5	5,5	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	15138018	Nguyễn Hữu Duy	DH15TD			8,5	10	9,8	9,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	15153013	Nguyễn Trường Duy	DH15CD			5,0	8,5	7,0	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	15137010	Từ Khắc Duy	DH15NL			7,0	10	6,0	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14138008	Lê Văn Đồng	DH14TD			6,0	5,0	6,0	5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02316



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 001_DH15CK_02 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 18/06/2018 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi HD303 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt) Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15137008	Châu Trần Minh Đức	DH15NL			7,0	9,0	8,5	8,3	001234567●910	012●456789
17	15118020	Huỳnh Văn	DH15CK		V					●012345678910	0123456789
18	15137009	Lê Thành	DH15NL			8,0	10	8,0	8,4	001234567●910	0123●56789
19	15118031	Nguyễn Bình Phương	DH15CK			6,0	9,0	4,0	5,4	001234●678910	0123●56789
20	15118032	Ngô Đại	DH15CK			8,0	9,0	4,5	4,3	00123●5678910	012●456789
21	15118036	Nguyễn Trọng	DH15CK			5,0	6,5	8,0	7,1	00123456●8910	0●23456789
22	15118034	Hoàng Anh	DH15CC			5,0	7,0	9,5	8,1	001234567●910	0●23456789
23	15137020	Trần Võ Trọng	DH15NL			5,0	9,0	6,5	6,7	0012345●78910	0123456●89
24	15137022	Trần Văn	DH15NL			9,0	10	9,0	9,2	0012345678●910	01●3456789
25	15137025	Bùi Quốc	DH15NL			7,0	9,0	8,0	8,0	001234567●910	●123456789
26	15137027	Nguyễn Hoàng	DH15NL			8,0	9,0	6,5	7,3	00123456●8910	012●456789
27	15138027	Bùi Hữu	DH15TD		V					●012345678910	0123456789
28	15118040	Nguyễn Quang	DH15CK			8,0	9,0	3,5	5,5	001234●678910	01234●6789
29	15137031	Nguyễn Hữu	DH15NL			0	0	1,0	0,6	0●12345678910	012345●789
30	15137071	Nguyễn Duy	DH15NL			7,5	10	3,5	5,6	001234●678910	012345●789

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 001_DH15CK_02** Số Tín Ch **3**

Ngày Thi 18/06/2018 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi HD303 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

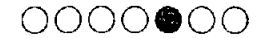
Lớp **DH130T (Công nghệ kĩ thuật ô tô)**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13154027	Nguyễn Lê Khoa	DH13OT			5,0	5,5	5,5	5,4	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
32	15118140	Trương Đăng Khoa	DH15CK			4,0	5,5	2,0	3,1	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
33	15118053	Đặng Minh Lợi	DH15CC			5,0	9,0	4,0	5,2	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
34	15137035	Bùi Công Minh	DH15NL			8,5	9,0	9,5	9,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
35	15118068	Phạm Đức Nam	DH15CK			4,0	6,5	1,0	2,7	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
36	13118033	Phạm Đình Nguyên	DH13CK			9,0	8,0	9,5	9,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
37	15137038	Nguyễn Văn Nhiên	DH15NL			6,0	9,0	9,8	8,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
38	15137072	Nguyễn Quang Nhựt	DH15NL			8,0	9,0	5,0	6,4	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
39	15118081	Trương Văn Phúc	DH15CK			5,0	9,5	8,5	8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	15138054	Trang Minh Sáng	DH15TD		✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	15118088	Trần Hữu Sơn	DH15CK			5,0	5,0	1,5	2,9	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
42	15137047	Phạm Thị Thanh Tâm	DH15NL			7,0	10	7,0	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
43	15118093	Phạm Ngọc Tập	DH15CK			7,0	8,5	6,0	6,7	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
44	15137049	Lâm Hồng Thái	DH15NL			9,0	10	5,5	7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13153023	Tăng Thành Thảo	DH13CD			4,0	4,0	4,0	4,0	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02316



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực (207504) - 001_DH15CK_02 Số Tin Ch 3

Ngày Thi 18/06/2018 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi HD303 Giảng viên: Nguyễn Văn Công Chính

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt) Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	15137058	Nguyễn Thành Tiến	DH15NL			7,0	9,0	8,5	8,3	001234567●910	012●456789
47	15118109	Lưu Ngọc Anh Toàn	DH15CK			6,5	4,0	6,8	6,2	0012345●78910	01●3456789
48	13154188	Nguyễn Duy Trần	DH13OT			6,0	5,5	2,0	3,5	0012●45678910	01234●6789
49	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK			6,0	6,5	3,0	4,3	00123●5678910	012●456789
50	15118115	Võ Minh Trí	DH15CK			8,0	8,5	9,0	8,7	001234567●910	0123456●89
51	15118117	Lý Ngọc Trọng	DH15CK			8,0	7,0	5,0	6,0	0012345●78910	●123456789
52	15138069	Nguyễn Trần Nghĩa	DH15TD			7,0	8,0	7,0	7,2	00123456●78910	01●3456789
53	15118121	Lê Quang Trường	DH15CK			7,0	8,5	6,0	6,7	0012345●78910	0123456●89
54	14138111	Võ Xuân Tùng	DH14TD		✓					●012345678910	0123456789
55	15118133	Đặng Hoàng Vũ	DH15CK			7,0	5,5	2,5	4,0	00123●5678910	●123456789
56	15118139	Nguyễn Thành Ý	DH15CK			4,0	9,0	2,5	4,1	00123●5678910	0●23456789

Số sinh viên dự thi: 56 Số sinh viên vắng: 6

Ngày ____ Tháng y Năm 2018

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

PG.S.TS. Nguyễn Huy Bích

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 01

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 40%	Điểm thử 60%	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118022	Trần Anh Kiệt	DH13CC						✓	●0012345678910	00123456789
2	13153246	Từ Sỹ Trung	DH13CD						✓	●0012345678910	00123456789
3	14118234	Nguyễn Thiện Quang	DH14CC						✓	●0012345678910	00123456789
4	14118237	Trần Quốc Sang	DH14CC						✓	●0012345678910	00123456789
5	14153008	Huỳnh Ngọc Cường	DH14CD	H	C3	6	5	1	2.7	○001●345678910	00123456●89
6	14154019	Lê Minh Hiếu	DH14OT						✓	●0012345678910	00123456789
7	15138030	Nguyễn Duy Kha	DH15TD	kh	C1	10	5	3.5	4.6	○00123●5678910	0012345●789
8	15153002	Dương Ngọc Bảo	DH15CD						✓	●0012345678910	00123456789
9	15153064	Nguyễn Hiếu Thuận	DH15CD	Thu	C4	8	5	2	3.5	○0012●45678910	001234●6789
10	15153068	Nguyễn Huy Toàn	DH15CD	To	C4	8	5	2	3.5	○0012●45678910	001234●6789
11	15153069	Lê Minh Tới	DH15CD	Min	C4	6	5	4.5	4.8	○00123●5678910	001234567●9
12	15153076	Nguyễn Thanh Vũ	DH15CD	Ng	C4	10	5	3	4.3	○00123●5678910	0012●456789
13	16138017	Vì Văn Đạt	DH16TD	Vi	C1	8	5	0	2.3	○001●345678910	0012●456789
14	16153005	Võ Thái Công	DH16CD	Co	C3	10	7	1	3.7	○0012●45678910	00123456●89
15	16153017	Đoàn Văn Duy	DH16CD	D	C5	10	7	3	4.9	○00123●5678910	0012345678●
16	16153039	Đặng Huỳnh	DH16CD	Phu	C3	8	8	3	5	○001234●678910	●123456789
17	16153041	Phạm Quốc Khải	DH16CD	Kh	C4	10	8	4	5.8	○001234●678910	001234567●9
18	16153048	Huỳnh Phúc Linh	DH16CD	Ph	C4	10	7	3	4.9	○00123●5678910	0012345678●

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 01

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 40%	Điểm thi 60%	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	16153056	Đặng Toàn Mỹ	DH16CD		C4	8	7.5	3	4.9	001234●5678910	012345678●
20	16153060	Lê Nguyên Ngọc	DH16CD		C4	10	8	6	7	00123456●8910	●123456789
21	16153063	Nguyễn Hoài Phong	DH16CD		C4	8	8	3.5	5.3	0012344●678910	012●456789
22	16153080	Phạm Đình Thái	DH16CD		C4	10	7	4	5.5	0012344●678910	01234●6789
23	16153082	Tô Thanh	DH16CD		C4	10	6	1	3.4	0012●45678910	0123●56789
24	16153091	Phạm Thị Cát Tiên	DH16CD		C4	10	7	3.5	5.2	0012344●678910	01●3456789
25	16153094	Nguyễn Vũ Tịnh	DH16CD		C4	10	7	2	4.3	001234●5678910	012●456789
26	16153100	Lê Anh Tuấn	DH16CD		C4	10	8	1	4	001234●5678910	●123456789
27	16153102	Nguyễn Minh Tuấn	DH16CD		C4	10	8	3	5.2	0012344●678910	01●3456789
28	16153104	Trần Xuân Viễn	DH16CD		C4	10	7.5	1.5	4.2	001234●5678910	01●3456789
29	16153108	Huỳnh Tấn Vũ	DH16CD		C4	8	6.5	1	3.4	0012●45678910	0123●56789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ng Amy Chou

Ulu
Trần Thị Loan Ngà

Nguyen Chau

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 03

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm Thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	13153003	Phạm Trần Anh Duy	DH13CD						✓	●0012345678910	00123456789
2	13153022	Nguyễn Hữu Tân	DH15CD						✓	●0012345678910	00123456789
3	13153092	Lê Quang Hậu	DH13CD	Hau	e1	6	7	3	4.5	○00123●5678910	001234●6789
4	13153109	Nguyễn Tấn Hồng	DH13CD						✓	●0012345678910	00123456789
5	13153186	Trần Minh Quang	DH13CD	Quang	Quang	8	6	3	4.0	○00123●5678910	00123●56789
6	14118128	Nguyễn Văn Duy	DH14CK						✓	●0012345678910	00123456789
7	14118207	Nguyễn Lê Nguyên	DH14CK						✓	●0012345678910	00123456789
8	14118284	Nguyễn Đức Trọng	DH14CK						✓	●0012345678910	00123456789
9	14137085	Đinh Thành Trọng	DH14NL	Trinh	CH	0	5	4.5	4.2	○00123●5678910	01●3456789
10	14138023	Lê Hoàng Phúc	DH14TD	Phuc	C2	10	6	4	5.2	○001234●678910	01●3456789
11	14138111	Võ Xuân Tùng	DH14TD						✓	●0012345678910	00123456789
12	14153010	Trần Vũ Anh Duy	DH14CD						✓	●0012345678910	00123456789
13	14153143	Nguyễn Thanh Tùng	DH14CD						✓	●0012345678910	00123456789
14	15118032	Ngô Đại Hiệp	DH15CK	Hiệp	e1	8	5	2	3.5	○0012●45678910	001234●16789
15	15137028	Nguyễn Hữu Quang Huy	DH16NL						✓	●0012345678910	00123456789
16	15138003	Đặng Hoàng Anh	DH15TD	Anh	e1	10	5	4	4.9	○00123●5678910	0012345678●
17	15138018	Nguyễn Hữu Duy	DH15TD	Duy	e1	8	7	8	7.7	○00123456●8910	00123456●89
18	15138029	Đào Hữu Huỳnh	DH15TD						✓	●0012345678910	00123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 03

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	15153010	Nguyễn Tấn Đình	DH15CD		C1	6	6	3.5	4.5	0012345678910	0123456789
20	15153030	Hoàng Văn Kỳ	DH15CD		C4	10	7	1.5	4	0012345678910	0123456789
21	15153054	Nguyễn Sỹ	DH15CD		C2	10	6	3	4.6	0012345678910	0123456789
22	15154045	Trần Suker	DH15OT		C2	10	10	7	8.2	0012345678910	0123456789
23	16118008	Hồ Thái An	DH16CK		C1	8	9.5	5	6.7	0012345678910	0123456789
24	16118015	Nguyễn Quốc Bảo	DH16CK						✓	0012345678910	0123456789
25	16118019	Nguyễn Tuấn Châu	DH16CC		C1	8	7	4	5.3	0012345678910	0123456789
26	16118051	Đỗ Đức Hậu	DH16CC		C1	10	7	5	6.1	0012345678910	0123456789
27	16118108	Ngô Quang Đình Nhân	DH16CC						✓	0012345678910	0123456789
28	16118129	Nguyễn Văn Quý	DH16CC		C2	10	6	6	6.4	0012345678910	0123456789
29	16118131	Trần Bảo Sang	DH16NL						✓	0012345678910	0123456789
30	16118160	Lê Bá Toàn	DH16CC		C3	10	6	1	3.4	0012345678910	0123456789
31	16118180	Võ Quang Vy	DH16CK		C3	10	6	4.5	5.5	0012345678910	0123456789
32	16137023	Võ Khắc Ghi	DH16NL		C1	10	8	7	7.6	0012345678910	0123456789
33	16137036	Huỳnh Quang Huy	DH16NL						✓	0012345678910	0123456789
34	16137054	Nguyễn Thanh Nhân	DH16NL		C2	10	6	7.5	7.3	0012345678910	0123456789
35	16137066	Đồng Ngọc Sơn	DH16NL		C2	10	7.5	4	5.7	0012345678910	0123456789
36	16137073	Đoàn Thương Thế	DH16NL		C3	10	8	8.5	8.3	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 03

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 5%	Điểm 40%	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	16137076	Lê Hải Thiện	DH16NL		C3	8	7	4.5	5.6	0012345678910	0123456789
38	16137089	Mai Trung Trường	DH16NL		C3	10	8	4.5	6.1	0012345678910	023456789
39	16137097	Trần Quốc Tuấn	DH16NL						✓	0012345678910	0123456789
40	16138001	Cáp Ngọc An	DH16TD		C4	10	6	3	4.6	0012345678910	0123456789
41	16138007	Huỳnh Thái Bảo	DH16TD		C2	10	7.5	5	6.3	0012345678910	0123456789
42	16138008	Nguyễn Hoàng Bửu	DH16TD		C1	10	6	3	4.6	0012345678910	0123456789
43	16138011	Nguyễn Quang Cường	DH16TD		C1	8	6	3	4.4	0012345678910	0123456789
44	16138013	Nguyễn Tấn Danh	DH16TD		C1	8	7	4	5.3	0012345678910	0123456789
45	16138016	Nguyễn Gia Đạt	DH16TD		C1	10	6	4	5.2	0012345678910	0123456789
46	16138019	Lê Trương Công Định	DH16TD						✓	0012345678910	0123456789
47	16138021	Nguyễn Chí Đức	DH16TD						✓	0012345678910	0123456789
48	16138024	Nguyễn Thanh Dũng	DH16TD		C1	10	6	4.5	5.5	0012345678910	0123456789
49	16138026	Lại Hoàng Giang	DH16TD		C1	10	6	4	5.2	0012345678910	0123456789
50	16138027	Lê Hoàng Giang	DH16TD		C1	8	6	1	3.2	0012345678910	0123456789
51	16138031	Nguyễn Thị Tú Hào	DH16TD		C1	8	5	2	3.5	0012345678910	0123456789
52	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD		C1	6	0	0	0.6	0012345678910	0123456789
53	16138039	Phạm Văn Hùng	DH16TD		C1	10	6	3	4.6	0012345678910	0123456789
54	16138043	Trần Đức Huy	DH16TD		C1	10	5	3.5	4.6	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật lập trình (207605) - 03

CBGD: Nguyễn Đăng Khoa (835)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thử	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
55	16138046	Đỗ Trọng Khang	DH16TD						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	16138051	Dương Thị Mỹ Linh	DH16TD	Linh	C1	8	6	5	4.4	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
57	16138056	Nguyễn Mai	DH16TD	Mai	C1	10	6	3	4.6	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
58	16138058	Phạm Đặng Hoài Nam	DH16TD	Đ	C2	10	6	2	4	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	16138060	Phạm Hoài Nghi	DH16TD	Nghi	C1	10	6	4	5.2	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
60	16138067	Trần Văn Phương	DH16TD	Phu	C1	10	7	1	3.7	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
61	16138071	Trần Phước Sang	DH16TD	Sang	C1	10	5	3	4.3	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
62	16138073	Nguyễn Ngọc Tâm	DH16TD	Tam	C1	10	6	2	4	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	16138076	Trần Đình Thanh	DH16TD	Thanh	C1	10	7	6	6.7	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
64	16138077	Đỗ Hữu Thành	DH16TD	Thanh	C1	10	6	5	5.8	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
65	16138079	Lê Thế	DH16TD	Thế	C1	10	6	4	5.4	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
66	16138081	Đặng Anh Thông	DH16TD	Thông	C1	10	6	5	5.8	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
67	16138083	Trần Nguyễn Quốc Tiên	DH16TD	Quốc	C1	8	5	3	4.1	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
68	16153085	Huỳnh Công Thành	DH16CD	Thành	C4	10	5	3	4.3	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

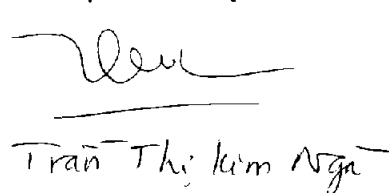
Xác nhận của khoa/bộ môn

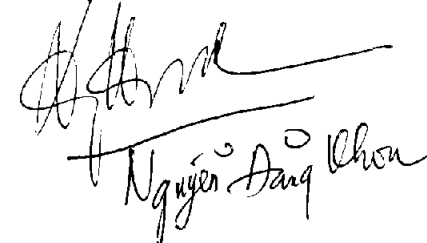
Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Đăng Khoa

Ngày in : 17/05/2018 14:18


Trần Thị Kim Ngân


Nguyễn Đăng Khoa



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 001_DH15CD_01

Số Tín Ch: 3

Ngày Thi 10/07/2018 Giờ Thi: 12:15 Phòng Thi TV302 Giảng viên: Nguyễn Đăng Khoa

Lớp DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 70%	Đ2 10%	Đ.Số 70%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14138037	Hồ Mạnh A	DH14TD	<i>Mạnh A</i>		6	6	6	6.0	0012345678910	0123456789
2	15138002	Bùi Thị Vân Anh	DH15TD	<i>Bùi Thị Vân</i>		10	9	7	7.7	0012345678910	0123456789
3	15153002	Dương Ngọc Bảo	DH15CD						✓	0012345678910	0123456789
4	15138007	Trương Thành Cua	DH15TD	<i>Cua</i>		10	7	7	7.3	0012345678910	0123456789
5	14153008	Huỳnh Ngọc Cường	DH14CD	<i>Cường</i>		0	5	5	4.3	0012345678910	0123456789
6	14153009	Lê Mạnh Cường	DH14CD	<i>Cường</i>		8	8.5	6	6.7	0012345678910	0123456789
7	15138018	Nguyễn Hữu Duy	DH15TD	<i>Duy</i>		10	7.5	6	6.7	0012345678910	0123456789
8	15153010	Nguyễn Tấn Đình	DH15CD	<i>Đình</i>		8	7	3.5	4.7	0012345678910	0123456789
9	15138014	Trương Công Định	DH15TD	<i>Định</i>		10	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
10	14138009	Hoàng Văn Anh Đức	DH14TD	<i>Đức</i>		8	5	3.5	4.3	0012345678910	0123456789
11	15153015	Lê Cảnh Trường Giang	DH15CD						✓	0012345678910	0123456789
12	15153016	Sàn Thanh Hải	DH15CD	<i>Hải</i>		8	4	6.5	6.2	0012345678910	0123456789
13	15138021	Phạm Thị Thúy Hằng	DH15TD	<i>Hằng</i>		10	9	6.5	7.4	0012345678910	0123456789
14	15153022	Nguyễn Hoàng Hiệp	DH15CD						✓	0012345678910	0123456789
15	15153023	Lê Trung Hiếu	DH15CD						✓	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02328

Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 001_DH15CD_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 10/07/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Nguyễn Đăng Khoa

Lớp DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 60%	Đ.Số 30%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14138051	Lê Văn Hiếu	DH14TD	<i>Hu</i>		6	7.5	3	4.2	0012345678910	0123456789
17	14138012	Nguyễn Duy Hoàng	DH14TD	<i>anh</i>		6	7	3	4.1	0012345678910	0123456789
18	13153109	Nguyễn Tấn Hồng	DH13CD						✓	0012345678910	0123456789
19	15153027	Nguyễn Đức Huy	DH15CD	<i>huy</i>		10	5.5	7	7.0	0012345678910	0123456789
20	13153121	Võ Thị Kim Hương	DH13CD	<i>Huong</i>		8	8.5	7	7.4	0012345678910	0123456789
21	15153029	Phạm Duy Khánh	DH15CD	<i>kh</i>		10	5	6	6.2	0012345678910	0123456789
22	14138016	Phạm Đăng Khôi	DH14TD	<i>Khoi</i>		6	8.5	7	7.4	0012345678910	0123456789
23	14138061	Nguyễn Đỗ Hùng Lâm	DH14TD	<i>Lam</i>		10	6	7	7.1	0012345678910	0123456789
24	14138017	Trần Đức Lâm	DH14TD	<i>Lam</i>		8	6.5	7	7.0	0012345678910	0123456789
25	13153011	Chu Văn Long	DH13CD	<i>Long</i>		6	9	7	7.3	0012345678910	0123456789
26	15138037	Phạm Lộc	DH15TD	<i>Lu</i>		9	8.5	6	6.8	0012345678910	0123456789
27	14138019	Nguyễn Thành Luân	DH14TD	<i>Luân</i>		10	6.5	6	6.5	0012345678910	0123456789
28	14153029	Hàng Lực	DH14CD	<i>Lu</i>		10	7	7	7.3	0012345678910	0123456789
29	13153152	Đặng Hoàng Nam	DH13CD	<i>Thy</i>		0	8	6.5	6.2	0012345678910	0123456789
30	14153031	Lê Nhật Nam	DH14CD	<i>Nam</i>		10	7	7	7.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02328



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 001_DH15CD_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 10/07/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Nguyễn Đăng Khoa

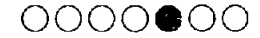
Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 10 %	Đ3 10 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	15153039	Ho Thị Thúy Nga	DH15CD			8	5.5	6.5	8.5	0012345●78910	01234●6789
32	15153041	Bùi Hồng Ngọc	DH15CD			10	9	6	7.0	00123456●8910	●123456789
33	15153044	Nguyễn Văn Nhân	DH15CD						✓	●012345678910	0123456789
34	14153041	Vũ Minh Nhật	DH14CD			10	8.5	8	6.9	0012345●78910	012345678●
35	13153181	Nguyễn Hoàng Phương	DH13CD			8	8.5	8	6.7	0012345●78910	0123456●89
36	14138077	Võ Văn Phương	DH14TD			8	6	7	6.9	0012345●78910	012345678●
37	14138027	Phạm Nhật Quang	DH14TD			8	5	6	6.0	0012345●78910	●123456789
38	15153052	Nguyễn Trung Minh Quân	DH15CD			10	6.5	6	6.5	0012345●78910	01234●6789
39	15138052	Nguyễn Quốc Quyền	DH15TD			6	8	5	5.7	0012345●678910	0123456●789
40	14138085	Lê Hữu Tài	DH14TD			6	6	7	6.7	0012345●78910	0123456●89
41	15138056	Dương Thành Tâm	DH15TD			10	8.5	7	7.0	00123456●8910	012345●789
42	15153060	Nguyễn Hữu Thạch	DH15CD			5	6.5	0	1.8	00●2345678910	01234567●9
43	13153211	Huỳnh Võ Minh Thắng	DH13CD			8	8.5	6	6.7	0012345●78910	0123456●89
44	15153062	Lâm Minh Thi	DH15CD			10	6.5	7	7.2	00123456●8910	0123456789
45	13153219	Tôn Thất Thiện	DH13CD						✓	●012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02328



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 001_DH15CD_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 10/07/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Nguyễn Đăng Khoa

Lớp

DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Đ3 30%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	14138098	Huỳnh Quốc Thông	DH14TD			6	5	6.5	6.2	0012345●78910	01●3456789
47	15153067	Trương Văn Tịnh	DH15CD			8	6.5	3	4.2	00123●45678910	01●3456789
48	15153068	Nguyễn Huy Toàn	DH15CD			6	7	2	3.4	0012●345678910	0123●56789
49	15153069	Lê Minh Tới	DH15CD			10	4	6	6.0	0012345●78910	●123456789
50	15153070	Lê Bá Trọng	DH15CD			10	7	2.5	4.2	00123●45678910	01●3456789
51	15153071	Hồ Thái Trung	DH15CD						✓	●012345678910	0123456789
52	13153285	Nguyễn Quang Trung	DH13CD			10	8.5	6	6.9	0012345●78910	012345678●
53	13153247	Đinh Mạnh Trường	DH13CD			8	8.5	6	8.7	0012345●78910	0123456●89
54	13153255	Lê Ngọc Triệu Tuấn	DH13CD			6	8.5	5	5.8	001234●5678910	01234567●9
55	13153029	Trần Văn Vị	DH13CD			10	8.5	6	6.9	0012345●78910	012345678●
56	15153076	Nguyễn Thanh Vũ	DH15CD			10	7	4	5.2	001234●5678910	01●3456789
57	13153031	Trần Thế Vương	DH13CD						✓	●012345678910	0123456789
58	15153077	Trịnh Quốc Vương	DH15CD			10	6.5	6	6.5	0012345●78910	01234●56789



Mã nhận dạng 02328

Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Cơ sở kỹ thuật robot (207628) - 001_DH15CD_01

Số Tín Ch: 3

Ngày Thi 10/07/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Nguyễn Đăng Khoa

Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi: 38...Số sinh viên vắng: 09
Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

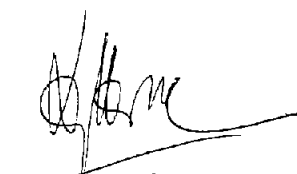
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

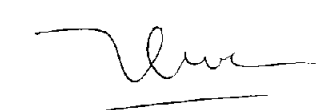
Xác nhận của Bộ Môn

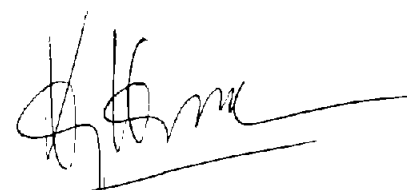
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Nguyễn Đăng Khoa


Nguyễn Ngọc Bích


Trần Thị Kim Nga


Nguyễn Đăng Khoa



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm An toàn lao động& MT CN (207701) - 001_DH15NL_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 19/06/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15137002	Võ Trường An	DH15NL			6.25	0.25		6,5	0012345678910	0123456789
2	15137003	Chu Đặng Quốc Anh	DH15NL			6.25	1.75		8,0	0012345678910	0123456789
3	16154007	Nguyễn Tuấn Anh	DH16OT			6.0	0.25		6,3	0012345678910	0123456789
4	15137004	Nguyễn Chí Bảo	DH15NL			4.25	1.0		5,3	0012345678910	0123456789
5	16137001	Nguyễn Chí Bảo	DH16NL			6.0	0.5		6,5	0012345678910	0123456789
6	15153007	Lê Công Danh	DH15CD			6.25	1.5		7,8	0012345678910	0123456789
7	16137022	Nguyễn Trần Duy	DH16NL			6.75	1.0		7,8	0012345678910	0123456789
8	14137016	Trần Thanh Duy	DH14NL			5.75	0.25		6,0	0012345678910	0123456789
9	15153008	Lê Bá Tiến Đạt	DH15CD			6.25	0.5		6,8	0012345678910	0123456789
10	14153075	Dỗ Minh Đế	DH14CD			5.0	1.5		6,5	0012345678910	0123456789
11	15153011	Ngô Phú Đô	DH15CD			6.25	1.0		7,8	0012345678910	0123456789
12	15137008	Châu Trần Minh Đức	DH15NL			6.0	1.0		7,0	0012345678910	0123456789
13	15153012	Huỳnh Đức	DH15CD			6.25	1.0		7,3	0012345678910	0123456789
14	15154017	Huỳnh Thanh Giang	DH15OT			6.25	1.5		7,8	0012345678910	0123456789
15	15137013	Nguyễn Trường Giang	DH15NL			6.0	1.75		7,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02331

Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm An toàn lao động& MT CN (207701) - 001_DH15NL_01

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi 19/06/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15137014	Nguyễn Ngọc Hải	DH15NL			6.0	1.0		7,0	0012345678910	123456789
17	16154028	Trần Nhựt Hào	DH16OT			6.25	0.25		6,5	0012345678910	0123456789
18	16154026	Nguyễn Thế Hân	DH16OT			6.0	1.0		7,0	0012345678910	123456789
19	15154021	Nguyễn Trung Hậu	DH15OT			6.25	1.5		7,8	0012345678910	012345679
20	15137019	Dương Thu Hiền	DH15NL			6.25	1.0		7,3	0012345678910	0123456789
21	15137020	Trần Võ Trọng Hiếu	DH15NL			6.25	1.0		7,3	0012345678910	0123456789
22	15137027	Nguyễn Hoàng Huy	DH15NL			6.25	1.0		7,3	0012345678910	0123456789
23	15137024	Vũ Quang Hùng	DH15NL			5.75	0.25		6,0	0012345678910	123456789
24	13153122	Mai Đức Hữu	DH13CD			5.25	1.75		7,0	0012345678910	123456789
25	15153030	Hoàng Văn Kỳ	DH15CD			5.75	1.5		7,3	0012345678910	0123456789
26	15153033	Phạm Văn Long	DH15CD			6.75	1.5		7,3	0012345678910	0123456789
27	14153032	Nguyễn Thanh Nam	DH14CD				1.5			0012345678910	0123456789
28	15153043	Nguyễn Văn Sơn	DH15CD			6.0	1.5		7,5	0012345678910	0123456789
29	16154069	Nguyễn Ngọc Nhã	DH16OT			6.0	1.0		7,0	0012345678910	123456789
30	15137038	Nguyễn Văn Nhiên	DH15NL			5.75	1.75		7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02331

Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm An toàn lao động& MT CN (207701) - 001_DH15NL_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 19/06/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp DH15NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	15137072	Nguyễn Quang Nhựt	DH15NL			5.25	0.5		5,8	0012345678910	0123456789
32	15153047	Mai Tấn Phát	DH15CD			5.25	1.75		7,0	0012345678910	0123456789
33	15137039	Lê Nam Phong	DH15NL			6.0	0.25		6,3	0012345678910	0123456789
34	15137040	Nguyễn Minh Phong	DH15NL			5.0	1.75		6,8	0012345678910	0123456789
35	13137109	Bùi Văn Phúc	DH13NL			7.0	1.5		8,5	0012345678910	0123456789
36	17153057	Nguyễn Đức Phúc	DH17CD			5.75	0.5		6,3	0012345678910	0123456789
37	15153048	Đình Hoàng Phương	DH15CD			6.0	1.5		6,5	0012345678910	0123456789
38	14154043	Nguyễn Thanh Quân	DH14OT			6.25	1.75		8,0	0012345678910	0123456789
39	15137043	Nguyễn Văn Sang	DH15NL			4.75	1.0		5,8	0012345678910	0123456789
40	15153055	Nguyễn Thái Tài	DH15CD			5.25	1.0		6,3	0012345678910	0123456789
41	15153056	Trần Tấn Tài	DH15CD			6.0	1.5		7,5	0012345678910	0123456789
42	15137046	Nguyễn Thành Tâm	DH15NL			6.0	1.75		7,8	0012345678910	0123456789
43	15137048	Nguyễn Đình Nhật Tân	DH15NL				1.75			0012345678910	0123456789
44	14153124	Hà Duy Thái	DH14CD			7.0	1.5		8,5	0012345678910	0123456789
45	15137050	Phan Minh Thắm	DH15NL			6.75	0.5		7,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02331

Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm An toàn lao động& MT CN (207701) - 001_DH15NL_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 19/06/2018

Giờ Thi: 07:00

Phòng Thi TV302

Giảng viên: Nguyễn Hải Triều

Lớp DH15OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Đ. Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	15154055	Lưu Thanh Thiên	DH15OT			7.25	1.5		8,8	001234567●910	01234567●9
47	15153064	Nguyễn Hiếu Thuận	DH15CD			5.75	1.00		6,8	0012345●78910	01234567●9
48	15153065	Lê Văn Thường	DH15CD			6.0	1.0		7,0	00123456●8910	●123456789
49	15137063	Nguyễn Phước Trinh	DH15NL							0012345678910	0123456789
50	15137064	Đỗ Bảo Trọng	DH15NL			4.75	0.25		5,0	001234●678910	●123456789
51	15153073	Nguyễn Anh Tuấn	DH15CD			5.25	0.25		5,5	001234●678910	01234●6789
52	15137068	Nguyễn Minh Tuấn	DH15NL			5.0	1.75		6,8	0012345●78910	01234567●9
53	16153109	Lê Văn Vũ	DH16CD			6.75	1.0		7,8	00123456●8910	01234567●9

Số sinh viên dự thi: 53 Số sinh viên vắng: 03

Ngày 13 Tháng 7 Năm 2018

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Hải Triều

Lê Văn Đức

Bộ Môn

Nguyễn Hải Triều

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học Nhóm Cấu tạo truyền động Ôtô (207704) - 001 DH15OT 01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi **13/07/2018**

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi **CT202**

Giảng viên: Lê Quang Trí

Lớp **DH130T (Công nghệ kĩ thuật ô tô)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13154002	Bùi Tuấn Anh	DH13OT			1,2		6,0	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14154067	Đỗ Đức Anh	DH14OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	15154003	Nguyễn Đình Tuấn Anh	DH15OT			1,5		9,5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
4	15154001	Phạm Trọng Ân	DH15OT			1,5		9,5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
5	14154005	Nông Chí Bảo	DH14OT			1,5		9,5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
6	15154005	Phạm Quốc Bảo	DH15OT			1,5		9,5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
7	15154006	K"	DH15OT			2,0		10	10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	15154007	Nguyễn Xuân Chinh	DH15OT			1,8		9,0	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	15154008	Nguyễn Hữu Chung	DH15OT			2,0		10	10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	15154009	Đoàn Văn Cường	DH15OT			2,0		10	10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14154080	Nguyễn Hoàng Diên	DH14OT			1,5		9,5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
12	15154073	Dương Võ Duy	DH15OT			1,5		9,5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
13	15154010	Lê Minh Đạt	DH15OT			1,6		8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14154012	Nguyễn Tuấn Đạt	DH14OT			1,6		8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	15154013	Nguyễn Bình Đông	DH15OT			1,3		6,5	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02332



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Cấu tạo truyền động Ôtô (207704) - 001_DH15OT_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 13/07/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi CT202

Giảng viên: Lê Quang Trí

Lớp DH15OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15154014	Nguyễn Văn Giang	Đông	Dong		1,5		7,5	7,5	001234568910	012346789
17	15154016	Huỳnh Quang	Đường	Huỳnh		1,8		9,0	9,0	0012345678910	0123456789
18	15154017	Huỳnh Thanh	Giang	Thanh		1,7		8,5	8,5	0012345678910	012346789
19	15154018	Lê Trường	Giang	Truong		1,7		8,5	8,5	0012345678910	012346789
20	15154020	Phạm Tấn	Hải	Tan		1,6		8,0	8,0	0012345678910	0123456789
21	15154021	Nguyễn Trung	Hậu	Trung		1,8		9,5	9,5	0012345678910	012346789
22	15154022	Phan Phước	Hiền	Phuoc		1,8		9,0	9,0	0012345678910	0123456789
23	14154018	Trần Bá	Hiển	Ba		1,5		7,5	7,5	001234568910	012346789
24	14154024	Nguyễn Phi	Hùng	Phi		1,7		8,5	8,5	0012345678910	012346789
25	15154024	Hồ Ngọc	Huy	Ngoc		1,8		9,5	9,5	0012345678910	012346789
26	14154022	Nguyễn Khánh	Huy	Khánh		1,7		8,5	8,5	0012345678910	012346789
27	14154104	Huỳnh Văn	Hưng	Văn		1,6		8,0	8,0	0012345678910	0123456789
28	15154025	Nguyễn Minh	Khánh	Minh		1,8		9,5	9,5	0012345678910	012346789
29	15154026	Thái Văn	Khánh	Văn		1,8		9,5	9,5	0012345678910	012346789
30	15154027	Lê Trịnh Bình	Khiêm	Binh		2,0		10	10	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02332



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Cấu tạo truyền động Ôtô (207704) - 001_DH15OT_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 13/07/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi CT202

Giảng viên:Lê Quang Trí

Lớp DH15OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	15154028	Trịnh Ngọc Anh Kiệt	DH15OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	15154030	Nguyễn Duy Linh	DH15OT	Linh		1,7		8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
33	15154031	Nguyễn Hữu Linh	DH15OT	linh		1,8		9,0	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	15154032	Nguyễn Hữu Lộc	DH15OT	luoc		2,0		10	10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ●	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13154036	Nguyễn Hoàng Minh	DH13OT	Nhông		1,9		9,5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
36	14154037	Hoàng Văn Nam	DH14OT	tiennam		1,9		9,5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
37	13154039	Nguyễn Văn Nghia	DH13OT	Nghia		2,0		10	10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ●	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	15154035	Vương Quốc Nghia	DH15OT	Nghia		2,0		10	10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ●	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	15154036	Võ Khắc Hoàn Nhân	DH15OT	Nhan		1,9		9,5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
40	15154037	Huỳnh Trọng Nhiên	DH15OT	Nhien		1,9		9,0	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	15154038	Đặng Thanh Phong	DH15OT	Phong		1,9		9,0	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	15154039	Nguyễn Thanh Phong	DH15OT	Phong		1,9		9,5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
43	15154041	Nguyễn Minh Nhật Quyền	DH15OT	Quyên		1,9		9,5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
44	14154044	Điền Quyết	DH14OT	Quyết		2,0		10	10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ●	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	15154042	Nguyễn Thanh Sang	DH15OT	Sang		1,0		5,0	5,0	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02332



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm **Cấu tạo truyền động Ôtô (207704) - 001_DH15OT_01**

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 13/07/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi CT202

Giảng viên: Lê Quang Trí

Lớp **DH15OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi: 43 Số sinh viên vắng: 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Lê Quang Trí


Ngô Võ Ngọc Bích


Lê Quang Trí



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm **Cấu tạo truyền động Ôtô (207704) - 002_DH15OT_01**

Số Tin Ch: 3

Ngày Thi **13/07/2018** Giờ Thi: **09:30** Phòng Thi **HD203** Giảng viên: **Lê Quang Trí**

Lớp **DH15OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15154043	Đặng Hoàng Sơn	DH15OT			1,6		8,0	8,0	001234567●910	●123456789
2	15154044	Nguyễn Vô Hoàng Sơn	DH15OT			1,8		9,0	9,0	0012345678●10	●123456789
3	15154045	Trần Suker	DH15OT			2,0		10	10	00123456789●	●123456789
4	15154046	Đào Tuấn Tài	DH15OT			1,8		9,0	9,0	0012345678●10	●123456789
5	14154139	Lê Tấn Tài	DH14OT			1,9		9,5	9,5	0012345678●10	01234●6789
6	15154048	Nguyễn Phúc Tâm	DH15OT			1,9		9,5	9,5	0012345678●10	01234●6789
7	14154049	Hoàng Ngọc Tấn	DH14OT			1,9		9,5	9,5	0012345678●10	01234●6789
8	15154051	Nguyễn Duy Thái	DH15OT			1,7		8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
9	14154142	Trương Quang Thanh	DH14OT			2,0		10	10	00123456789●	●123456789
10	15154054	Nguyễn Văn Thảo	DH15OT			1,8		9,0	9,0	0012345678●10	●123456789
11	15154053	Sơn Ngọc Thắng	DH15OT			2,0		10	10	00123456789●	●123456789
12	14154053	Vô Hoàng Thắng	DH14OT			2,0		10	10	00123456789●	●123456789
13	15154055	Lưu Thanh Thiên	DH15OT			2,0		10	10	00123456789●	●123456789
14	15154057	Lê Minh Thiện	DH15OT			1,8		9,0	9,0	0012345678●10	●123456789
15	15154058	Lê Đoàn Trường Thịnh	DH15OT						✓	●012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02333

Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm Cấu tạo truyền động Ôtô (207704) - 002_DH15OT_01

Số Tin Ch: 3

Ngày Thi 13/07/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD203

Giảng viên: Lê Quang Trí

Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14154057	Ôn Hoa Thu	DH14OT			1,8		3,0	9,0	0012345678●10	●123456789
17	14154058	Lê Đình Thuận	DH14OT			1,8		3,0	9,0	0012345678●10	●123456789
18	14154059	Phạm Văn Thúc	DH14OT			1,8		3,0	9,0	0012345678●10	●123456789
19	15154060	Nguyễn Công Tinh	DH15OT			1,8		9,0	9,0	0012345678●10	●123456789
20	15154061	Lê Minh Trí	DH15OT			2,0		10	10	00123456789●10	●123456789
21	15154063	Hồ Nhật Trường	DH15OT			1,9		9,5	9,5	0012345678●10	01234●6789
22	13154194	Nguyễn Nhật Trường	DH13OT			1,0		5,0	5,0	0012344●678910	●123456789
23	15154064	Mai Hoàng Tuấn	DH15OT			1,8		9,0	9,0	0012345678●10	●123456789
24	15154065	Nguyễn Anh Tuấn	DH15OT			1,9		9,5	9,5	0012345678●10	01234●6789
25	15154066	Nguyễn Thanh Tuấn	DH15OT			1,8		9,0	9,0	0012345678●10	●123456789
26	15154067	Nguyễn Văn Tuấn	DH15OT			1,8		9,0	9,0	0012345678●10	●123456789
27	13154201	Trần Anh Tuấn	DH13OT			1,6		8,0	8,0	001234567●910	●123456789
28	13154066	Nguyễn Tùng	DH13OT			1,6		8,0	8,0	001234567●910	●123456789
29	15154069	Nguyễn Ngọc Văn	DH15OT			1,8		9,0	9,0	0012345678●10	●123456789
30	15154071	Huỳnh Tấn Vũ	DH15OT			1,7		8,5	8,5	001234567●910	01234●6789



Mã nhận dạng 02333

Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm **Cấu tạo truyền động Ôtô (207704) - 002_DH15OT_01**

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 13/07/2018

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi HD203

Giảng viên: Lê Quang Trí

Lớp

DH15OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	15154072	Trần Quốc Vỹ	DH15OT			1,5		3,5	9,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 30. Số sinh viên vắng: 1.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Hiền

Cao Đức Lợi

Lê Quang Trí

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm LT kết cấu & tính toán ô tô (207731) - 001_DH14OT_01

Số Tín Chè 3

Ngày Thi **19/06/2018**

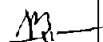
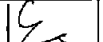
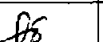
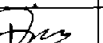
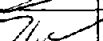
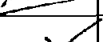
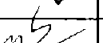
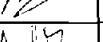
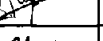
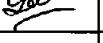
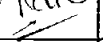
Giờ Thi: 12:15

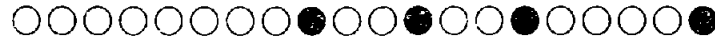
Phòng Thi **HD201**

Giảng viên: Lê Quang Trí

Lớp **DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14154005	Nông Chí Bảo	DH14OT			1,6		8,0	5,6	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
2	14154080	Nguyễn I Hoàng	DH14OT			2,2		8,0	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
3	14154014	Đoàn Minh Độ	DH14OT			2,1		9,0	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
4	14154015	Huỳnh Thiện Đức	DH14OT			1,6		8,0	5,6	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
5	14154017	Lê Minh Hải	DH14OT			2,2		8,0	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
6	14154019	Lê Minh Hiếu	DH14OT						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13154023	Nguyễn Thanh Minh	DH13OT			4,0		8,0	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14154022	Nguyễn Khánh Huy	DH14OT			2,2		8,0	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
9	14154030	Dỗ Đức Linh	DH14OT			2,1		9,0	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
10	14154032	Nguyễn Văn Hoàng	DH14OT						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14154037	Hoàng Văn Nam	DH14OT			2,2		8,0	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
12	14154133	Trương Thái Phi	DH14OT			3,1		8,0	7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14154043	Nguyễn Thanh Quân	DH14OT			3,4		8,0	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
14	14154044	Điền Quyết	DH14OT			1,9		8,0	5,9	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
15	14154139	Lê Tấn Tài	DH14OT			2,2		8,0	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02337



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2017 - 2018

Môn Học\Nhóm LT kết cấu & tính toán ô tô (207731) - 001_DH14OT_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 19/06/2018

Giờ Thi: 12:15

Phòng Thi HD201

Giảng viên: Lê Quang Trí

Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14154053	Võ Hoàng Thắng	DH14OT			4,2		9,0	8,7	001234567●910	0123456●89
17	14154057	Ôn Hoa Thu	DH14OT			2,1		8,5	6,4	0012345●78910	0123●56789
18	14154062	Nguyễn Thế Trọng	DH14OT			2,2		8,0	6,2	0012345●78910	01●3456789
19	14154063	Võ Đình Trường	DH14OT			4,4		9,0	9,3	0012345678●10	012●456789
20	13154066	Nguyễn Tùng	DH13OT			4,0		8,0	5,0	0012344●678910	●123456789

Số sinh viên dự thi: 19. Số sinh viên vắng: 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2